

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**PHẠM DƯƠNG MINH THU**

**CHẾ ĐỊNH CHUẨN BỊ PHẠM TỘI  
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

**LUẬN VĂN THẠC SỸ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI – 2012**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**PHẠM DƯƠNG MINH THU**

**CHẾ ĐỊNH CHUẨN BỊ PHẠM TỘI  
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

*Chuyên ngành: Luật Hình sự  
Mã số: 60 38 40*

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

Người hướng dẫn khoa học:  
PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn

**HÀ NỘI – 2012**

## **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn bảo đảm độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

**TÁC GIẢ LUẬN VĂN**

**Phạm Dương Minh Thu**

# MỤC LỤC

*Trang phụ bì*

*Lời cam đoan*

*Mục lục*

## **MỞ ĐẦU**

---

### **Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHẾ ĐỊNH**

#### **CHUẨN BỊ PHẠM TỘI TRONG LUẬT HÌNH SỰ**

##### **1.1. Khái niệm, bản chất của chế định chuẩn bị phạm tội**

1.1.2. Khái niệm, bản chất của chuẩn bị phạm tội

1.1.3. Phân biệt chuẩn bị phạm tội với ý định phạm tội, phạm tội chưa đạt và tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội, tội phạm hoàn thành, tội phạm kết thúc

##### **1.2. Chuẩn bị phạm tội trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới**

1.2.1. Chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự Cộng hòa liên bang Nga.

1.2.2. Chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự Thụy Điển

1.2.3. Chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự Nhật Bản

1.2.4. Chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

### **Chương 2: CHẾ ĐỊNH CHUẨN BỊ PHẠM TỘI TRONG**

#### **PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

2.1.1. Sơ lược lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về chuẩn bị phạm tội từ thời kỳ phong kiến đến cách mạng tháng 8 năm 1945

2.1.2. Chế định chuẩn bị phạm tội trong các quy định của luật hình sự Việt Nam từ sau cách mạng tháng 8 năm 1945 cho đến khi có Bộ luật hình sự năm 1985

2.1.3. Chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 1945

- 2.2. Chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 1999
- 2.2.1. Hành vi chuẩn bị phạm tội
- 2.2.2. Cơ sở trách nhiệm hình sự của hành vi chuẩn bị phạm tội
- 2.2.3. Mức độ trách nhiệm hình sự của hành vi chuẩn bị phạm tội
- 2.2.4. Quyết định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội

### **Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG CHẾ ĐỊNH CHUẨN BỊ PHẠM TỘI VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN**

- 3.1. Thực tiễn áp dụng chế định chuẩn bị phạm tội trong đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay
  - 3.1.1. Thực tiễn áp dụng chế định chuẩn bị phạm tội
  - 3.1.2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân
- 3.2. Một số giải pháp hoàn thiện chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự hiện nay
  - 3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hiện hành
  - 3.2.2. Quan điểm, phương hướng hoàn thiện chế định trong Luật hình sự Việt Nam
  - 3.2.3. Sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 hiện hành về chế định chuẩn bị phạm tội

### **KẾT LUẬN**

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Tội phạm là một hiện tượng tiêu cực trong xã hội, xuất hiện cùng với sự ra đời của Nhà nước và pháp luật, cũng như khi xã hội phân chia thành giai cấp đối kháng [8, tr. 287]. Là hiện tượng tiêu cực mang thuộc tính xã hội - pháp lý, "tội phạm luôn chứa đựng trong nó đặc tính chống đối lại Nhà nước, chống đối lại xã hội, đi ngược lại lợi ích chung của cộng đồng, trật tự xã hội, xâm phạm đến quyền, tự do và các lợi ích hợp pháp của con người" [38, tr. 7]. Vì vậy, để bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị, Nhà nước đã quy định những hành vi nguy hiểm cho xã hội nào là tội phạm và trách nhiệm hình sự mà hình phạt là hình thức chủ yếu của nó đối với những người đã thực hiện các hành vi đó. Tội phạm diễn ra ở các giai đoạn khác nhau thì mức độ nguy hiểm cho xã hội cũng khác nhau. Trong nhiều trường hợp việc thực hiện tội phạm là một quá trình thỏa mãn dần các dấu hiệu cơ bản của cấu thành tội phạm cụ thể. Bởi lẽ, để thực hiện một tội phạm cố ý người phạm tội phải tiến hành từng bước, từng bước một, chẳng hạn như: chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, chuẩn bị thực hiện hành vi liền kề trước khi thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm. Trong quá trình tiến hành từng bước để thực hiện hành vi phạm tội, có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau không phụ thuộc vào ý chí của người phạm tội mà họ phải dừng lại khi mới chuẩn bị điều kiện để thực hiện tội phạm hoặc không thực hiện được tội phạm đến cùng. Theo đó, về mặt chủ quan mặc dù hành vi phạm tội bị dừng lại nhưng người phạm tội đã cố ý thực hiện hành vi đó và vẫn muốn cố ý thực hiện tiếp hành vi phạm tội của mình, vì trong suy nghĩ, tư tưởng của họ bao giờ cũng mong muốn thực hiện toàn bộ quá trình đó để đạt được kết quả mong muốn đã được đặt

ra. Tuy nhiên, cũng trong thực tiễn đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, có không ít trường hợp người phạm tội không thực hiện được đầy đủ dự định của mình hay không tiến hành thực hiện tội phạm được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của họ, mà phải dừng lại ở những thời điểm khác nhau. Bởi vậy, trong khoa học luật hình sự còn xuất hiện khái niệm các giai đoạn phạm tội.

Các giai đoạn phạm tội là những bước trong quá trình thực hiện tội phạm do cố ý. Các giai đoạn phạm tội được phân biệt bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, thời điểm chấm dứt hành vi, cũng như mức độ thực hiện ý định phạm tội của chủ thể. Do vậy, để xử lý chính xác, công bằng và nhân đạo trách nhiệm hình sự, pháp luật hình sự Việt Nam phân chia quá trình thực hiện tội cố ý có cấu thành vật chất thành các giai đoạn phạm tội.

Việc quy định các giai đoạn phạm tội: chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành cho phép pháp luật hình sự không những trừng trị những hành vi nguy hiểm cho xã hội là hành vi thực hiện hoàn thành một tội phạm mà cả điều chỉnh xử lý các hành vi phạm tội chưa đạt, thậm chí ngay cả hành vi trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội - mà về bản chất hành vi chuẩn bị phạm tội chưa phải là hành vi khách quan của tội phạm, chưa gây thiệt hại trực tiếp cho các quan hệ xã hội được luật Hình sự bảo vệ. Việc phát hiện, trừng trị sớm những hành vi phạm tội ở các giai đoạn này không chỉ để ngăn chặn tội phạm, mà còn nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại cho xã hội do hành vi phạm tội có thể gây ra cho xã hội, cho Nhà nước và cho công dân. Đây còn thể hiện đường lối xử lý trong chính sách hình sự - không để cho tội phạm gây ra nguy hiểm cho xã hội thì tốt hơn để cho tội phạm xảy ra mới tìm cách khắc phục, phòng, chống, đồng thời đã được cụ thể hóa trong Điều 1 về nhiệm vụ của Bộ luật

hành sự. Đặt vấn đề truy cứu TNHS hành vi trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội không đồng nghĩa với việc trừng trị cả những quan điểm, tư tưởng, mà dù chưa phải là hành vi khách quan của tội phạm, nhưng hành vi này tạo ra khả năng thực hiện tội phạm ở mức độ nguy hiểm cao hơn, lâu dài và có thể để lại hậu quả nặng nề hơn.

Trên tinh thần đó, tại Điều 17 Bộ luật hình sự năm 1999 nhà làm luật nước ta đã quy định: “*Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm*”. Thực tiễn áp dụng quy định này cho thấy, một số quy phạm của chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự hiện hành, ở các mức độ khác nhau, vẫn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót nhất định. Điều đó, ít nhiều đã được phản ánh trong nhiều bài viết về những vấn đề liên quan đến chế định chuẩn bị phạm tội của các tác giả trong nước và ngoài nước. Nhưng cho đến nay, nhiều nội dung của chế định chuẩn bị phạm tội vẫn còn được nhận thức khác nhau. Mặt khác, cùng với sự phát triển trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước, nhiều vấn đề của luật hình sự, trong đó có vấn đề chuẩn bị phạm tội cũng luôn vận động và phát triển đặt ra những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu và giải quyết, đặc biệt là vấn đề về xác định mức hình phạt đối với người có hành vi chuẩn bị phạm tội. Có thể khẳng định rằng, so với các chế định khác của luật hình sự, chế định chuẩn bị phạm tội chưa được quan tâm đúng mức, thể hiện ở chỗ: thứ nhất có rất ít bài viết nghiên cứu về thực trạng áp dụng chế định chuẩn bị phạm tội; thứ hai các bài viết mà chủ yếu đề cập đến quyết định hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội. Điều đó cho thấy cần đẩy mạnh nghiên cứu hơn nữa chế định chuẩn bị phạm tội trong Luật hình sự Việt Nam.

Vì thế, học viên quyết định chọn đề tài: “***Chế định chuẩn bị phạm tội trong Luật hình sự Việt Nam***” để làm luận văn thạc sĩ của mình.



## **2. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài**

### **\* Mục đích:**

Thông qua việc làm sáng tỏ một cách có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng chế định chuẩn bị phạm tội trong luật hình sự Việt Nam, xác định những hạn chế, bất cập của chế định này, luận văn đề xuất hoàn thiện các quy định của chế định chuẩn bị phạm tội, nhằm tăng cường hiệu quả của nó trong đấu tranh phòng, chống tội phạm trong thời gian tới.

### **\* Nhiệm vụ:**

Để đạt được mục đích nêu trên luận văn thực hiện các nhiệm vụ:

- Phân tích khái niệm, bản chất, nội dung, ý nghĩa của chế định chuẩn bị phạm tội trong luật hình sự Việt Nam.
- Phân tích cơ sở của trách nhiệm hình sự của các hành vi chuẩn bị phạm tội.
- Phân tích mức độ trách nhiệm hình sự, quyết định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội.
- Phân tích thực trạng áp dụng chế định chuẩn bị phạm tội trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.
- Đề xuất hoàn thiện các quy định của chế định chuẩn bị phạm tội.

## **3. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận văn dựa trên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước về pháp luật, về chính sách hình sự, về đấu tranh phòng, chống tội phạm – xem đó là phương pháp luận để thực hiện các nội dung của luận văn. Luận văn còn dựa trên một tổng thể các phương pháp nghiên cứu cụ thể như phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh. Trong sự kết hợp

phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu cụ thể đó, luận văn rút ra những kết luận và đề xuất hoàn thiện chế định giai đoạn chuẩn bị phạm tội, có cơ sở khoa học và thực tiễn đáng tin cậy.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### **\* Đối tượng nghiên cứu:**

Luận văn lấy các quan điểm của các nhà khoa học pháp lý hình sự trong và ngoài nước; các quy định pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành, các quy định pháp luật hình sự một số nước về chế định chuẩn bị phạm tội; thực tiễn áp dụng các quy định của chế định đó để nghiên cứu các nội dung của chế định chuẩn phạm tội trong luật hình sự Việt Nam.

##### **\* Phạm vi nghiên cứu:**

Luận văn tiến hành nghiên cứu các nội dung của mình dưới góc độ luật hình sự. Các quy định pháp luật hình sự Việt Nam về chế định chuẩn bị phạm tội được nghiên cứu từ thời phong kiến đến nay nhưng chủ yếu là trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999, có so sánh với một số quy định pháp luật hình sự của một số nước nước ngoài.

##### **\* Tình hình nghiên cứu đề tài:**

Sau khi Bộ luật hình sự năm 1999 ban hành, vấn đề chuẩn bị phạm tội cũng được đề cập trong một số giáo trình, sách tham khảo do các tác giả khác nhau biên soạn như: 1) *Chương XII - Các giai đoạn phạm tội* của TS. Nguyễn Ngọc Chí. Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*. Tập thể tác giả do TSKH. Lê Cẩm chủ biên, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001 (tái bản năm 2003); 2) *Chương IX - Các giai đoạn phạm tội* của GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa. Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Tập I, Tập thể tác giả do PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2007; 3) *Chương XII - Các giai đoạn phạm tội* của GS.TS. Võ Khánh Vinh, Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt*

Nam, Tập thể tác giả do PGS.TS. Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2005; 4) Chương VII - Các giai đoạn cố ý thực hiện tội phạm, Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội, 1995; 5) Lâm Minh Hạnh. *Chương III - Các giai đoạn phạm tội*, Trong sách: *Những vấn đề lý luận cơ bản về tội phạm trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1986; v.v...

Một số nhà khoa học - luật gia hình sự Việt Nam cũng đã dành không ít công sức cho việc nghiên cứu về đề tài này, đáng chú ý là các công trình nghiên cứu của GS.TSKH. Lê Văn Cẩm: 1) *Mục V - Chế định về các giai đoạn thực hiện tội phạm*, Chương thứ tư, Trong *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, (Sách chuyên khảo Sau đại học), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005; 2) *Chế định các giai đoạn thực hiện tội phạm và mô hình lý luận của nó trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 2/2002; v.v...

Ngoài ra, còn có một số bài đăng trên tạp chí khoa học pháp lý như: 1) *Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự về giai đoạn thực hiện tội phạm*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 5/1999, của PGS.TS. Trần Văn Độ; 2) *Một số vấn đề về giai đoạn thực hiện tội phạm*, Tạp chí Luật học, số 6/1995; 3) *Về trách nhiệm hình sự của hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt*, Tạp chí Luật học, số 4/2002, của PGS. TS. Lê Thị Sơn; 4) *Hoàn thiện hình phạt tử hình, tù có thời hạn và phạt tiền theo yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 9, tháng 5/2008; 5) *Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt*, Tạp chí Luật học, số 4/2002, của ThS. Dương Tuyết Miên; 6) *Về trường hợp miễn trách nhiệm hình sự cho người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội*, Tạp chí Khoa học, chuyên san Kinh tế - Luật, số 2/2006; 7) *Về phạm tội*

*chưa đạt và các hình thức phạm tội khác trong quá trình thực hiện tội phạm*, Tạp chí Khoa học, (chuyên san Luật học), số 2/2009, của TS. Trịnh Tiến Việt; v.v...

Phân tích các công trình nghiên cứu được liệt kê trên đây có thể thấy, chế định chuẩn bị phạm tội trong luật hình sự Việt Nam đã được đề cập nghiên cứu nhưng ở khía cạnh này hay khía cạnh khác của nó và đôi khi chế định này được đề cập đến khi nghiên cứu các giai đoạn phạm tội. Hầu như chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập nghiên cứu một cách toàn diện, sâu sắc, mang tính hệ thống chế định chuẩn bị phạm tội trong luật hình sự Việt Nam. Tác giả luận văn, vì vậy kế thừa các quan điểm nghiên cứu đồng thời nghiên cứu sâu hơn, toàn diện hơn, hệ thống hơn chế định chuẩn bị phạm tội trong luật hình sự Việt Nam.

## **5. Bố cục của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo; luận văn gồm 3 chương:

*Chương I:* Những vấn đề lý luận về chế định chuẩn bị phạm tội trong Luật hình sự.

*Chương II:* Chế định chuẩn bị phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam.

*Chương III:* Thực tiễn áp dụng chế định chuẩn bị phạm tội và một số đề xuất hoàn thiện.

## *Chương 1*

# **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHẾ ĐỊNH CHUẨN BỊ PHẠM TỘI TRONG LUẬT HÌNH SỰ**

## **1.1. KHÁI NIỆM, BẢN CHẤT CỦA CHẾ ĐỊNH CHUẨN BỊ PHẠM TỘI**

### **1.1.1. Khái niệm các giai đoạn thực hiện tội phạm**

Trong khoa học luật hình sự nước ngoài, các giai đoạn phạm tội do cố ý gồm: giai đoạn chuẩn bị phạm tội và giai đoạn trực tiếp thực hiện tội phạm cố ý vốn được phân biệt nhau bởi tính chất và thời điểm chấm dứt của hành vi có tính chất tội phạm đã thực hiện (B.V.Zdravômxlôv); (X.G.Kelina) Các giai đoạn nhất định của việc chuẩn bị và thực hiện tội phạm cố ý được phân biệt với nhau theo tính chất của những hành vi được thực hiện và thời điểm chấm dứt những hành vi ấy; (Ê.F. Pobegailoo) Các giai đoạn của việc chuẩn bị và trực tiếp thực hiện tội phạm được quy định trong luật và được phân biệt với nhau theo tính chất và nội dung của hành vi người phạm tội thực hiện, cũng như mức độ kết thúc hành vi phạm tội [8, tr. 440-441].

Việc nghiên cứu các giai đoạn thực hiện tội phạm mà thực chất là xác định đúng sự kiện thực hiện tội phạm do cố ý ở một giai đoạn nhất định nào đó chính là tiền đề cho các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự định tội danh được chính xác. Các giai đoạn thực hiện tội phạm là căn cứ cho phép xác định mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Việc xác định đúng các giai đoạn thực hiện tội phạm ở một mức độ đáng kể sẽ là cơ sở cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt được công minh và đúng pháp luật. Trong khoa học luật hình sự Việt Nam các giai

đoạn thực hiện tội phạm cũng được các nhà khoa học luật hình sự để tâm nghiên cứu và đưa ra những định nghĩa nhất định.

GS. TSKH Lê Văn Cẩm (Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội) đã định nghĩa các giai đoạn thực hiện tội phạm như sau: “*Các giai đoạn thực hiện tội phạm là các bước phát triển theo một trình tự nhất định mà tội phạm trải qua, được thể hiện bằng việc thực hiện các dấu hiệu thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm tương ứng và bằng mức độ khác nhau của việc thực hiện sự cố ý phạm tội của chủ thể*” [7, tr. 114].

Theo tác giả Trần Văn Đuym (Học viện Cảnh sát nhân dân) các giai đoạn cố ý thực hiện tội phạm là “*các bước trong quá trình thực hiện tội phạm, bao gồm chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành*” [11, tr. 176]. Như vậy, tác giả Trần Văn Đuym định nghĩa các giai đoạn thực hiện tội phạm bằng cách chỉ ra các bước trong quá trình thực hiện tội phạm gồm chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành.

Chia sẻ với cách định nghĩa như vậy về các giai đoạn thực hiện tội phạm nhưng tác giả Lâm Minh Hạnh quan niệm chỉ có hai giai đoạn chính trong các giai đoạn phạm tội: “*Các giai đoạn phạm tội theo tác giả Lâm Minh Hạnh là những bước trong quá trình thực hiện tội phạm cố ý, bao gồm việc chuẩn bị phạm tội và thực hiện tội phạm. Trong giai đoạn thực hiện tội phạm có thể có hai trường hợp hoặc đã hoàn thành tội phạm hoặc đã phạm tội chưa đạt*” [17, tr. 117]. Theo quan điểm của TS. Trịnh Tiến Việt (Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội) thì “*các giai đoạn phạm tội là những bước trong quá trình thực hiện tội phạm do cố ý và bao gồm chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành*” [39, tr. 126]; v.v... Như vậy, trong định nghĩa của TS. Trịnh Tiến Việt về các giai đoạn phạm tội có hình thức lỗi và các giai đoạn phạm tội cụ thể.

Từ những điều trình bày trên đây có thể thấy trong khoa học luật hình sự Việt Nam các nhà luật học đều thống nhất cho rằng, các giai đoạn phạm tội chỉ ở các tội cố ý, không có trong tội phạm vô ý, bởi vì, trong tội phạm vô ý, người phạm tội không nhận thức được hành vi mà mình thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không thấy trước được hậu quả có thể xảy ra và không mong muốn cho hậu quả đó xảy ra.

Tuy nhiên, bởi tội cố ý có hai dạng là cố ý trực tiếp và cố ý gián tiếp nên vấn đề đặt ra là các giai đoạn phạm tội có cả ở hai dạng lỗi cố ý đó hay không? Đa số các nhà khoa học pháp lý hình sự cho rằng “quá trình phạm tội chỉ có ở hình thức lỗi cố ý trực tiếp” [9, tr. 223]. Còn đối với những tội cố ý gián tiếp hay vô ý chỉ có thể có trường hợp có tội và không có tội mà thôi. Tất nhiên, cũng có quan điểm cho rằng "*đối với những tội có cấu thành hình thức thực hiện bằng không hành động, mặc dù có lỗi cố ý trực tiếp cũng không có hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt*". Ví dụ: Tội không tố giác tội phạm (Điều 314 Bộ luật hình sự), tội cố ý không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (Điều 107 Bộ luật hình sự) [13, tr. 113]. Đặc biệt, cũng có quan điểm lại cho rằng, các giai đoạn phạm tội có cả ở hình thức lỗi cố ý gián tiếp. Theo quan điểm này thì cũng như trường hợp phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội có lỗi cố ý gián tiếp cũng có ý thức lựa chọn một xử sự phạm tội. Những gì nguy hiểm cho xã hội đã xảy ra ở trường hợp phạm tội cố ý gián tiếp là những điều tuy chủ thể không nhằm tới nhưng họ chấp nhận việc nó xảy ra. Khi điều đó chưa xảy ra, chúng ta vẫn có thể và cần phải đặt vấn đề trách nhiệm hình sự đối với họ, vì việc không xảy ra là do nguyên nhân khách quan, còn chủ quan người phạm tội vẫn sẵn sàng chấp nhận việc nó xảy ra. Về mặt *thực tiễn*, hiện nay chúng ta đã gặp những vụ việc đòi hỏi cần xét xử về hình sự và việc xét xử này chỉ có thể thực hiện

được trên cơ sở thừa nhận nguyên tắc: các giai đoạn thực hiện tội phạm và trách nhiệm hình sự đối với các giai đoạn phạm tội được đặt ra cho cả trường hợp phạm tội có ý gián tiếp" [4, tr. 68 - 69]. Phân tích các quan điểm trong khoa học luật hình sự và thực tiễn xét xử ở nước ta có thể thấy giai đoạn chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt cũng như tội phạm hoàn thành chỉ trong tội có *lỗi có ý trực tiếp* mà thôi.

Một vấn đề khác cũng được đặt ra và giải quyết một cách thấu đáo đó là các giai đoạn phạm tội do cố ý chỉ được đặt ra với tội có cấu thành tội phạm vật chất hay được đặt ra đối với những tội có cấu thành hình thức; chỉ đặt ra với hành vi khách quan được thực hiện ở dạng hành động hay còn cả ở dạng không hành động? Theo quan điểm được thừa nhận chung trong khoa học luật hình sự nhiều nước và Việt Nam thì trong các tội có lỗi do cố ý trực tiếp cấu thành tội phạm vật chất mới có đầy đủ các giai đoạn thực hiện tội phạm (chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành), ví dụ: Tội hiếp dâm (Điều 111 Bộ luật hình sự). Đối với các tội có cấu thành tội phạm hình thức, do hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm nên khi chủ thể thực hiện hành vi là tội phạm đã hoàn thành. Vì vậy chỉ có thể có giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn tội hoàn thành. Ví dụ: Tội cướp tài sản (Điều 133), người phạm tội thực hiện hành vi dùng vũ lực tấn công người khác nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản của người đó thì đã cấu thành tội cướp tài sản của công dân.

Riêng đối với tội có cấu thành tội phạm bất vật chất thì không có các giai đoạn chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt mà chỉ có tội phạm hoàn thành. Ví dụ: Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 79 Bộ luật hình sự). Tuy nhiên, cũng có quan điểm cho rằng, tội phạm có cấu thành hình thức có thể có giai đoạn phạm tội chưa đạt, theo quan điểm này phạm tội chưa đạt có thể xảy ra trong trường hợp người phạm tội thực hiện



hành vi đi liền trước hành vi khách quan. Ví dụ: Tội cướp tài sản (Điều 133 Bộ luật hình sự), tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134 Bộ luật hình sự), tội hiếp dâm (Điều 111 Bộ luật hình sự), tội xâm phạm an ninh lãnh thổ (Điều 81 Bộ luật hình sự). Trong các trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt hành vi đều được thực hiện bằng hành vi động. Ví dụ: Tội phản bội Tổ quốc (Điều 78 Bộ luật hình sự). Còn loại tội được thực hiện bằng không hành động, chỉ có tội hoàn thành chứ không thể có chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt. Tuy nhiên loại tội này chỉ chiếm một tỷ lệ không nhiều trong Bộ luật hình sự Việt Nam. Ví dụ: Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (Điều 102 Bộ luật hình sự).

Chính vì vậy, trong khoa học Luật hình sự Việt Nam các nhà luật học đều thống nhất cho rằng các giai đoạn phạm tội gồm có chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành. Bộ luật hình sự Việt Nam ghi nhận ở Phần chung hai giai đoạn phạm tội của tội cố ý là chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt. Tội hoàn thành được quy định khi quy định các cấu thành tội phạm cụ thể ở Phần các tội phạm Bộ luật hình sự. Với quy định này, cho phép xác định mức hình phạt áp dụng đối với người thực hiện những hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt cụ thể hơn và quy định tỷ lệ hình phạt tối đa so với hình phạt có thể được áp dụng trong trường hợp tội phạm hoàn thành. Việc quy định các giai đoạn phạm tội nói chung và quy định chính xác tội phạm chưa hoàn thành nói riêng (chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt) trong từng trường hợp cụ thể có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi là cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt. Hành vi ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội bao giờ cũng có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm

hoàn thành.

Theo Luật hình sự Việt Nam, các giai đoạn thực hiện tội phạm bao gồm: chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành, trong đó chuẩn bị phạm tội là giai đoạn đầu của quá trình phạm tội, có ảnh hưởng lớn tới kết quả của tội phạm. Cách phân chia các giai đoạn thực hiện tội phạm đã thể hiện tính hợp lý về cơ sở khoa học và thực tiễn ở nhiều mặt. Vì vậy, chúng ta có thể định nghĩa các giai đoạn phạm tội như sau: "*Các giai đoạn phạm tội là những bước trong quá trình thực hiện tội phạm do cố ý, phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội ở những bước đó và bao gồm chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành*".

Quy định về chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt là cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự, xác định đúng mức nguy hiểm cho xã hội của hành vi nhằm bảo đảm sự thống nhất chặt chẽ trong quyết định hình phạt một cách công minh, không để oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội theo đúng cơ sở của trách nhiệm hình sự: "*Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự*" (Điều 2 Bộ luật hình sự). Theo đó, quy định cơ sở của trách nhiệm hình sự như đã nêu chính là thể hiện các nguyên tắc pháp chế và công bằng trong luật hình sự nước ta.

Quy định về các giai đoạn phạm tội do cố ý có ý nghĩa rất quan trọng, nó là căn cứ để định tội danh. Điều này có nghĩa, việc xác định hành vi chuẩn bị phạm tội nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội chưa đạt đã thực hiện mà phạm vào một tội gì có trong số những tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự. Việc xác định hành vi của một người đã phạm tội gì chính là quá trình xác định hành vi của họ có thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm trong Bộ luật hình sự. Khi xác định tội danh

đó phải căn cứ vào các quy định về chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và các tội phạm cụ thể được pháp luật hình sự quy định thì mới định tội và định tội đối với đúng người và đúng pháp luật.

*Tóm lại, các giai đoạn phạm tội là những bước trong quá trình thực hiện tội phạm cố ý, phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội trong ở những bước đó bao gồm chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành.*

Từ những phân tích trên đây có thể thấy, bởi tại các điều luật của Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự, các tội cụ thể được quy định ở thể hoàn thành nên có thể coi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt là những trường hợp đặc biệt của tội phạm. Việc nhận thức đúng đắn về điều này có ý nghĩa phương pháp luận to lớn đối với việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả.

### **1.1.2. Khái niệm, bản chất của chuẩn bị phạm tội**

Theo Luật hình sự Việt Nam, các giai đoạn thực hiện phạm tội như đã phân tích ở trên bao gồm: Chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, phạm tội hoàn thành. Trong đó, giai đoạn chuẩn bị phạm tội là giai đoạn đầu của quá trình phạm tội, tuy chưa ảnh hưởng trực tiếp nhưng lại có ảnh hưởng lớn tới mức độ nguy hiểm của tội phạm. Vậy, chuẩn bị phạm tội là gì? Trước hết cần hiểu chuẩn bị là làm sẵn cho cái cần thiết để làm cái gì, chuẩn bị đầy đủ dụng cụ, phương tiện cần thiết để làm một việc gì đó. Theo cách hiểu trên thì chuẩn bị phạm tội là làm sẵn cho cái cần thiết để thực hiện tội phạm, tức là người thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội mới chỉ có những hành vi tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tội phạm cụ thể chứ chưa thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm đó.

Chẳng hạn, để giết A, B đã về nhà lấy con dao đem đi mài thật sắc; hay trường hợp để trộm cắp được tài sản của nhà hàng xóm, C đã tiến hành

thăm dò thói quen sinh hoạt của gia đình hành xóm để lựa chọn thời điểm cũng như cách thức đột nhập được vào nhà anh hàng xóm trộm cắp tài sản một cách thuận lợi. Những hành vi trên, hành vi mài dao của B, hành vi thăm dò thói quen sinh hoạt nhà hàng xóm của C là những hành vi tạo điều kiện thuận lợi cho việc phạm tội chứ chưa phải là hành vi giết người hay là hành vi trộm cắp tài sản. Chính vì vậy chuẩn bị phạm tội là giai đoạn đầu, giai đoạn chuẩn bị, những điều kiện cần thiết để thực hiện hành vi phạm tội. Chính vì vậy, chuẩn bị phạm tội được coi là *“Giai đoạn trong đó người phạm tội có hành vi tạo ra điều kiện cần thiết cho việc thực hiện tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự nhưng chưa bắt đầu thực hiện tội phạm đó”*.

Nghiên cứu pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới, chúng ta thấy rằng ở mỗi nước việc quy định vấn đề này trong luật hình sự có khác nhau. Trong Bộ luật hình sự liên bang Nga năm 1996 tại điều 31 nhà làm luật quy định: *“Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn phương tiện, công cụ phạm tội, tìm kiếm những người đồng phạm, bàn bạc việc thực hiện tội phạm hoặc cố ý tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm nhưng tội phạm không thực hiện được do hoàn cảnh khách quan”* [4, tr. 59]. Còn tại Điều 22 Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa nhà làm luật ghi rõ: *“Chuẩn bị phạm tội là sửa soạn công cụ, tạo ra những điều kiện cần thiết để thực hiện tội phạm”* [15, tr. 34]. Trong Bộ luật hình sự Nhật Bản, chuẩn bị phạm tội được quy định tại các điều luật cụ thể như: Điều 113 chuẩn bị gây hỏa hoạn, Điều 201 chuẩn bị phạm tội giết người, Điều 237 chuẩn bị cướp tài sản.

Nghiên cứu pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam, từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX, qua Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức) và Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long) cho thấy pháp luật hình sự thời kỳ này không có điều luật nào quy định chung về chuẩn bị phạm tội. Các hành vi phạm tội

được quy định cụ thể thành các tội riêng biệt, những hành vi chuẩn bị phạm tội nếu thấy cần phải xử lý thì luật quy định cụ thể trong điều luật.

Trong Quốc triều hình luật hành vi chuẩn bị phạm tội được quy định dưới dạng “muru” phạm tội, “muru” làm những việc có hại cho quốc gia và được quy định trong điều luật cụ thể. Ví dụ: Điều 5 Chương Đạo tặc Quyển IV (Điều 415) quy định: *“Những kẻ muru giết người, thì xử tội lưu đi châu gần; đã làm người ta bị thương thì xử tội lưu đi châu ngoài; nếu vì bị thương mà chết thì xử tội giảo; đã giết chết thì xử tội chém...”* [25, tr. 155]. Trong Hoàng Việt luật lệ, một số hành vi chuẩn bị phạm tội cũng bị nhà làm luật quy định là tội phạm và được quy định trong điều luật cụ thể. Ví dụ: trong quyển 12 Phần Đạo Tặc Thượng Điều 1 quy định tội muru phản đại nghịch, Điều 2 quy định tội muru phản. Cụ thể, Điều 1 tội muru phản đại nghịch quy định: *“phàm kẻ muru phản không làm lợi cho đất nước, muru hại xã tắc và đại nghịch không có lợi đối với vua, muru phá hủy tôn miếu, sơn lăng và cung quýết”* [14, tr. 555]. Mặc dù, trong Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ chưa đưa ra khái niệm chuẩn bị phạm tội nhưng đã chỉ ra được hình thức chuẩn bị phạm tội bằng cách quy định việc “muru” phạm tội thành các tội phạm cụ thể.

Năm 1985, lần đầu tiên Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ghi nhận về khái niệm chuẩn bị phạm tội để giải quyết tương đối triệt để những đòi hỏi của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Theo Điều 15, Bộ luật hình sự chuẩn bị phạm tội: *“là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm”*.

Kế thừa và phát huy Bộ luật hình sự năm 1985, Bộ luật hình sự năm 1999, quy định tại điều 17: *“Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm”*.

Khái niệm chuẩn bị phạm tội được quy định trong Bộ luật hình sự thể hiện chính sách hình sự và đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xử lý tội phạm, là căn cứ pháp lý để xác định trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với người có hành vi chuẩn bị phạm tội. Việc quy định chuẩn bị phạm tội là căn cứ để phân hóa trách nhiệm hình sự, để có mức hình phạt hợp lý áp dụng đối với người phạm tội.

Chúng tôi chia sẻ và đồng tình với quan điểm của nhà làm luật Việt Nam về việc coi “*Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm*”.

Chuẩn bị phạm tội là trường hợp có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn so với trường hợp phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành, vì hành vi chuẩn bị phạm tội chưa trực tiếp xâm hại đến khách thể của loại tội định thực hiện và chưa thể gây ra được những hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Do vậy, luật hình sự Việt Nam chỉ quy định vấn đề trách nhiệm hình sự đối với những trường hợp chuẩn bị phạm tội một tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội, hình phạt được quyết định theo các điều của Bộ luật hình sự về các tội định phạm tương ứng tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng.

Khái niệm chuẩn bị phạm tội được quy định trong Bộ luật hình sự thể hiện chính sách hình sự và đường lối của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề xử lý tội phạm là căn cứ pháp lý quan trọng để giải quyết một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật vấn đề trách nhiệm hình sự của người chuẩn bị phạm tội. Đồng thời, khái niệm chuẩn bị phạm tội cho phép xác định một cách chính xác, khách quan và hợp lý quan hệ xã hội cụ thể cần phải được điều chỉnh bằng luật hình sự. Việc quy định khái niệm chuẩn bị

phạm tội còn góp phần bảo vệ tốt hơn lợi ích nhà nước, các quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; hỗ trợ công tác giáo dục, phổ biến và tuyên truyền các kiến thức về pháp luật để thông qua đó nâng cao ý thức pháp luật, trình độ văn hóa pháp lý trong các tầng lớp nhân dân, tạo thói quen tôn trọng, tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên có thể thấy bản chất chuẩn bị phạm tội, theo đó:

**Thứ nhất**, chuẩn bị phạm tội là giai đoạn đầu của quá trình thực hiện tội cố ý.

Thông thường một người sau khi có ý định phạm tội thì sẽ thể hiện ý định đó ra ngoài thế giới khách quan qua các bước: chuẩn bị phạm tội và thực hiện tội phạm.

Việc xuất hiện ý định phạm tội phụ thuộc vào sự tác động của các yếu tố khách quan vào một người làm họ nảy sinh ý định phạm tội. Nói cách khác, họ đã lựa chọn cách thức thỏa mãn nhu cầu lợi ích của mình bằng việc thực hiện hành vi đi ngược lại với lợi ích của xã hội. Sau khi có ý định phạm tội họ sẽ có các hoạt động chuẩn bị những điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tội phạm. Người phạm tội khi thấy có đủ điều kiện cần thiết sẽ bắt tay vào việc thực hiện tội phạm.

Tội phạm là hiện tượng xã hội bao gồm một thể thống nhất các yếu tố khách quan và chủ quan, ý định phạm tội mới chỉ thỏa mãn các dấu hiệu chủ quan, chưa có dấu hiệu khách quan nên không thể coi là tội phạm. Mặt khác, trên thực tế không thể chứng minh được ý định phạm tội, nếu ý định đó không biểu hiện ra ngoài thế giới khách quan bằng hành vi. Chính vì vậy, Luật hình sự Việt Nam không coi ý định phạm tội là tội phạm và vì vậy chuẩn bị phạm tội được coi là giai đoạn đầu tiên của quá trình thực hiện tội phạm.

Chuẩn bị phạm tội là một giai đoạn thực hiện tội phạm vì chuẩn bị

phạm tội có thời điểm mở đầu và thời điểm kết thúc.

Thời điểm mở đầu của chuẩn bị phạm tội là thời điểm người phạm tội bắt đầu có hành vi tạo ra những điều kiện cần thiết cho việc thực hiện tội phạm cụ thể sau này. Những hành vi đó gắn liền không tách biệt với hành vi khách quan của tội phạm song không phải là hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm đó. Ví dụ, để thực hiện được hành vi giết A, B đã ra chợ mua con dao sau đó đem về nhà mài thật sắc bén để lúc chém A dễ chết hơn.

Thời điểm kết thúc của chuẩn bị phạm tội là trước lúc người phạm tội bắt đầu thực hiện tội phạm, tức bắt đầu thực hiện hành vi khách quan của tội phạm cụ thể. Hành vi chuẩn bị phạm tội chưa trực tiếp làm biến đổi tình trạng của đối tượng tác động của tội phạm. Nhưng với tính chất là tạo ra những điều kiện cần thiết cho việc thực hiện tội phạm, hành vi chuẩn bị phạm tội hợp thành thể thống nhất với hành vi thực hiện tội phạm và qua đó gây thiệt hại cho khách thể được luật hình sự bảo vệ. Thiệt hại đó có xảy ra hay không và xảy ra như thế nào rõ ràng có sự phụ thuộc nhất định vào hành vi chuẩn bị phạm tội. Việc chuẩn bị phạm tội như đã nhấn mạnh càng chu đáo, càng công phu bao nhiêu thì hậu quả mà tội phạm gây ra sẽ lớn bấy nhiêu. Chẳng hạn, để chuẩn bị phạm tội giết người, A về nhà lấy con dao gọt hoa quả mang đi, còn B ra chợ mua một con dao mang về nhà mài thật nhọn và sắc, sau đó tẩm thuốc độc vào lưỡi dao. Rõ ràng hành vi chuẩn bị của A và B là hành vi chuẩn bị rất chu đáo, khả năng gây chết người lớn hơn, cho nên tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn.

***Thứ hai, đây là những hành vi chuẩn bị các điều kiện để thực hiện tội phạm.*** Thực tiễn cho thấy những hành vi chuẩn bị phạm tội thường là: tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện phạm tội, lên kế hoạch hoặc là loại trừ trước những trở ngại khách quan như: chuẩn bị xe máy để đi cướp giật, chuẩn bị dao để giết người, chuẩn bị thuốc nổ để hủy hoại tài sản,



chuẩn bị xăng để đốt nhà, chuẩn bị thuốc mê để người có tài sản uống nhằm chiếm đoạt tài sản của họ, chuẩn bị giấy tờ giả mạo để lừa đảo...

Ví dụ:

Anh Nguyễn Văn Đ rất thích chị Lê Thị V học cùng lớp Đại học với mình, nhưng nhiều lần tán tỉnh chị V không được, anh Đ tỏ ra rất chán nản. Vì tình yêu và lòng ghen ghét không được chị V nhận lời yêu nên anh Đ đã có suy nghĩ phải chiếm đoạt bằng được chị V. Để thực hiện được hành vi trên, anh Đ đã ra hiệu thuốc mua một liều thuốc ngủ với ý định mời chị V đi uống nước nói chuyện và anh ta sẽ hòa viên thuốc ngủ vào trong cốc nước của chị V để chị V uống. Khi chị V bắt đầu mê man bất tỉnh thì anh Đ đã thực hiện hành vi giao cấu với chị V. Như vậy hành vi mua thuốc ngủ của anh Đ đã chính là hành vi chuẩn bị phương tiện công cụ phạm tội của mình.

Tìm kiếm công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm là dùng bất kỳ biện pháp nào để có những công cụ, phương tiện đó như mua, xin mượn, thậm chí trong nhiều trường hợp là trộm cắp.

Sửa soạn công cụ, phương tiện phạm tội được hiểu là tự chế tạo ra những công cụ, phương tiện mới như là làm súng, làm dao nhọn... hoặc thay đổi, sửa chữa kích thước, hình dáng của những công cụ, phương tiện sẵn có nhằm tạo ra điều kiện thuận lợi hơn trong quá trình sử dụng.

Sửa soạn công cụ và phương tiện phạm tội cũng có thể là hành vi tập sử dụng các công cụ, phương tiện đó sao cho chính xác và có hiệu quả cao như tập bắn, tập cầm dao đâm, hoặc là mài dao thật sắc... Tất cả hành vi nói trên đều có sự chuẩn bị rất kỹ lưỡng và rõ ràng để thực hiện hành vi phạm tội.

Trên thực tế hành vi chuẩn bị phạm tội dưới dạng chuẩn bị công cụ, phương tiện là phổ biến nhất như mua thuốc độc hoặc chuẩn bị dao để giết người, làm chìa khóa giả để trộm cắp tài sản... Hành vi chuẩn bị phạm tội

này xảy ra ở hầu hết các tội người khác xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, nhân thân của công dân; xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm sở hữu của người khác....

Chuẩn bị phạm tội có thể là hành vi việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tội phạm như: chuẩn bị kế hoạch phạm tội; thăm dò địa điểm nhằm thực hiện tội phạm; thăm dò, làm quen với nạn nhân hoặc người bị hại; loại trừ bớt trở ngại khách quan để thực hiện tội phạm.

Chuẩn bị kế hoạch phạm tội như: bàn bạc, phân công trách nhiệm cho từng người; kế hoạch tiêu thụ tài sản hay kế hoạch che giấu tội phạm... Dạng chuẩn bị phạm tội này thường xảy ra đối với những tội phạm được thực hiện có đồng phạm hoặc có tổ chức. Ví dụ: Trần Văn A, Phạm Sơn H, Đinh Văn T, Nguyễn Đình K là 4 thanh niên lêu lổng, suốt ngày cờ bạc, do không có tiền tiêu xài. Để thực hiện được ý định có tiền của mình, A, H, T, K đã bàn bạc với nhau về kế hoạch của mình. A, H, T, K đã vào nhà bà B ở phố Thành Công, Ba Đình, Hà Nội trộm chiếc xe máy mang đi bán để có tiền ăn chơi. K rất giỏi trong việc mở khóa, H đã cùng K lập kế hoạch rất cụ thể. A, H, K đã vào nhà B lấy trộm xe máy, A, H canh chừng cho K mở khóa. A, H đứng ở ngoài thám thính, canh chừng những diễn biến có thể xảy ra, cản trở sự truy đuổi khi bị phát hiện. Còn T do có nhiều mối quan hệ được phân công tìm nơi tiêu thụ chiếc xe trộm cắp được.

Tuy vậy, cũng có trường hợp, tội phạm chỉ do một người thực hiện vẫn có sự chuẩn bị kế hoạch phạm tội. Ví dụ, A có ý định đầu độc B, tự A vạch ra kế hoạch mua thuốc độc ở đâu, bỏ thuốc độc vào nước cho B uống như thế nào, sau khi B trúng độc thì làm thế nào để mọi người không tìm ra dấu vết phạm tội.

Thăm dò địa điểm phạm tội, dạng chuẩn bị này chủ yếu đối với các tội xâm phạm sở hữu hoặc xâm phạm tính mạng, sức khỏe nhân phẩm của công dân. Ví dụ: Do không có tiền tiêu xài T đã nảy sinh ý định trộm cắp

tài sản. Hàng ngày T đi lang thang trên các tuyến phố để thấy có gì sơ hở sẽ lấy trộm. Một hôm đi qua tuyến phố vắng người, T thấy một chiếc xe máy dựng ở cửa nhà, không khóa cổ, khóa càng, lại không có người qua lại. T đã leo lên xe, nhưng chưa kịp nổ máy đã bị phát hiện và bắt giữ. Ở đây hành vi lang thang với ý định trộm cắp tài sản của T là hành vi thăm dò địa điểm phạm tội.

Thăm dò, làm quen với nạn nhân hoặc người bị hại. Người chuẩn bị phạm tội đã lên kế hoạch thăm dò, làm quen với nạn nhân. Ví dụ: Do Nguyễn Văn A biết được ý định của Anh Lê Văn H mới tốt nghiệp ra trường đang đi tìm việc. Lợi dụng sự kém hiểu biết và ít va chạm xã hội, A đã lên kế hoạch lừa chạy cho H có một chỗ làm ổn định để chiếm đoạt tài sản của H. Để thực hiện ý định phạm tội của mình, A đã dựng lên câu chuyện, mình có rất nhiều mối quan hệ có thể xin cho H một chỗ làm ổn định với mức tiền lương cao. Chưa thực hiện được hành vi của mình thì A đã bị phát hiện. Hành vi lân la làm quen với H của A chính là hành vi thăm dò làm quen với người bị hại.

Loại trừ trước những trở ngại khách quan để thực hiện tội phạm được thuận lợi dễ dàng. Ví dụ: Khi đi ngủ, gia đình nhà A thường để hết xe máy ngoài sân, sau đó khóa cổng và thả chó ra để coi nhà. Biết được thói quen đó của gia đình A, K đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản (là những chiếc xe máy của gia đình A). Để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của mình, K đã ra chợ mua gói thuốc diệt chuột và miếng thịt lợn. Sau đó, K đem về nhà tẩm thuốc diệt chuột và miếng thịt lợn đó với nhau. Đêm hôm đó, lúc gia đình A đi ngủ, K đã quăng miếng thịt lợn sũng đã tẩm thuốc diệt chuột cho con chó nhà A ăn. Khi con chó chết, K đang chuẩn bị vào sân nhà A lấy chiếc xe máy đi thì bị người dân phát hiện. Hành vi giết con chó của gia đình A chính là hành vi loại trừ trước trở ngại khách quan để thực hiện tội phạm. Trên thực tế hành vi chuẩn bị phạm tội có thể thực hiện dưới

dạng chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, có thể dưới dạng hành vi tạo điều kiện cần thiết khác, cũng có thể bao gồm hành vi chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội và hành vi tạo điều kiện cần thiết khác.

\* Trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội, người phạm tội chưa bắt tay vào việc thực hiện hành vi được quy định trong cấu thành tội phạm cụ thể mà chỉ có các hoạt động tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tội phạm. Chuẩn bị phạm tội tuy không còn là phạm trù ý thức của người phạm tội mà ý định đó đã được thể hiện bằng các hành động ra ngoài thế giới khách quan. Nhưng hành vi đó cũng chưa phải là hành vi phạm tội được quy định trong mặt khách quan của tội phạm. Ví dụ: Một người chuẩn bị súng để giết người khác thì hành vi chuẩn bị súng chưa phải là hành vi giết người được quy định trong cấu thành tội phạm giết người (Điều 93, Bộ luật hình sự năm 1999). Nói cách khác chuẩn bị phạm tội là hành vi tạo điều kiện cần thiết để thực hiện tội phạm chứ chưa thực hiện hành vi được quy định trong cấu thành tội phạm. Đây là đặc điểm quan trọng để phân biệt hành vi của giai đoạn chuẩn bị phạm tội với hành vi của giai đoạn phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành.

\* Hành vi chuẩn bị phạm tội chưa trực tiếp xâm hại đến các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ, chưa làm thay đổi, biến dạng đối tượng tác động của tội phạm. Do chưa thực hiện hành vi được quy định trong cấu thành tội phạm cụ thể nên hành vi chuẩn bị phạm tội chưa xâm hại đến khách thể được luật hình sự bảo vệ mà mới chỉ đe dọa xâm phạm khách thể được luật hình sự bảo vệ. Có thể hiểu là người phạm tội mới hướng hành vi của mình vào một khách thể nhất định và đặt khách thể đó trong tình trạng nguy hiểm. Ví dụ: Phạm Thị H và Ngô Văn S sống với nhau như hai vợ chồng từ năm 2006 tại Hưng Yên. Mọi khoản tiền mà anh Ngô Văn S kiếm được cũng như mọi tài sản khác S đều đưa cho chị Phạm Thị H. Tháng 8/2009 do không còn tình cảm với anh Ngô Văn S nữa, chị Phạm Thị H đã

chuyển đến sinh sống tại tỉnh Ninh Bình với anh K. Không chấp nhận được việc chị H chia tay để đến sống với người khác, anh S đã quyết định giết chị H để trả thù. Để thực hiện hành vi giết chị H, anh S đã ra chợ tìm mua một con dao, do muốn con dao được sắc hơn anh S đã về nhà mài lại cho sắc bén. Sau khi mài xong, anh S đã đi về tỉnh Ninh Bình tìm gặp chị H... Chưa thực hiện được hành vi của mình anh S đã bị bắt giữ. Hành vi mua dao về mài lại cho sắc và đi tìm chị H của anh S, tuy chưa xâm phạm đến tính mạng của chị H nhưng đã đặt tính mạng của chị H vào tình trạng nguy hiểm cần được bảo vệ.

\* Hậu quả nguy hiểm cho xã hội của tội phạm chưa xảy ra. Do người phạm tội chưa thực hiện hành vi phạm tội được quy định trong cấu thành tội phạm nên hậu quả nguy hiểm cho xã hội của tội phạm chưa xảy ra. Trường hợp bản thân hành vi chuẩn bị phạm tội đã cấu thành một tội phạm khác hoàn thành thì hậu quả của tội phạm có thể xảy ra nhưng đó là tội phạm khác chứ chưa phải là hậu quả của tội phạm mà người phạm tội đang chuẩn bị thực hiện. Ví dụ: Lê Văn A là lao động tự do tại Thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Chị Đinh Thị T là vợ của A lại đang đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Hàng tháng T gửi tiền về nhà cho A sinh sống và nuôi các con của mình. Nhưng số tiền chị T gửi về hàng tháng, A không sử dụng vào sinh hoạt gia đình mình mà đem đi sử dụng chung với chị B ở xã bên. Khi hết hạn hợp đồng lao động tại Đài Loan, chị T trở về nước, thấy anh A và chị B sinh sống với nhau như vợ chồng và đã có một đứa con chung. Thấy sự việc như vậy, chị T không kìm nổi cảm xúc, bao nhiêu vốn liếng dành dụm của mình bây giờ lại để người đàn bà khác thụ hưởng. Chị T nảy sinh ý định trả thù. T đã tìm mua quả lựu đạn do một người quen giới thiệu, với ý định là sẽ ném vào trong nhà cho người đàn ông bội bạc và người đàn bà cướp chồng đều phải chết. Khi chị T đến gần nhà chị B chưa kịp hành động thì bị bắt giữ. Trong trường hợp này hành vi mua lựu đạn của chị T đã cấu

thành tội “*mua bán trái phép vũ khí quân dụng*” quy định tại Điều 230 Bộ luật hình sự năm 1999, còn hành vi chuẩn bị giết người mới ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Như vậy, hậu quả của hành vi mua bán trái phép vũ khí quân dụng đã hoàn thành còn hậu quả của hành vi chuẩn bị phạm tội giết người chưa xảy ra.

**Thứ ba**, hành vi chuẩn bị phạm tội chỉ xảy ra đối với những tội có lỗi cố ý trực tiếp.

Theo Luật hình sự Việt Nam, vấn đề các giai đoạn thực hiện tội phạm chỉ đặt ra đối với những tội cố ý trực tiếp. Đối với những tội cố ý gián tiếp hay vô ý chỉ có thể có trường hợp có tội và không có tội. Thực tiễn xét xử ở Việt Nam từ trước đến nay chỉ thừa nhận có giai đoạn chuẩn bị phạm tội đối với cố ý trực tiếp. Trường hợp vô ý hay cố ý gián tiếp đều không có giai đoạn chuẩn bị phạm tội.

Việc không thừa nhận có giai đoạn chuẩn bị phạm tội ở các tội vô ý là hoàn toàn rõ ràng. Trong trường hợp phạm tội này, chủ thể không mong muốn tội phạm xảy ra mà còn muốn nó không xảy ra. Vì vậy, không thể quy định có giai đoạn chuẩn bị phạm tội để buộc một người phải chịu trách nhiệm hình sự về khả năng dẫn đến tội phạm, điều mà bản thân họ không mong muốn khi quyết định thực hiện hành vi phạm tội.

Trong trường hợp các tội có lỗi cố ý gián tiếp, về lý trí: người phạm tội nhận thức rõ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà mình thực hiện, thấy trước hành vi đó có thể gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Về ý chí: người phạm tội không mong muốn hậu quả nguy hiểm cho xã hội xảy ra. Hậu quả nguy hiểm cho xã hội mà người phạm tội đã thấy trước không phù hợp với mục đích của họ, người phạm tội thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là nhằm mục đích khác. Vì vậy, để đạt được mục đích này mà người phạm tội chấp nhận hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình có thể gây ra. Người phạm tội với lỗi cố ý gián tiếp tuy

không mong muốn nhưng có ý thức để mặc cho hậu quả nguy hiểm cho xã hội mà mình đã thấy trước xảy ra. Vì thế không thể có giai đoạn chuẩn bị phạm tội và buộc một người phải chịu trách nhiệm hình sự về khả năng dẫn đến tội phạm mà không phải mục đích của họ.

Trong trường hợp tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, về lý trí người phạm tội nhận thức rõ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình, thấy trước hậu quả của hành vi đó. Về ý chí: người phạm tội mong muốn hậu quả nguy hiểm cho xã hội xảy ra. Chính vì vậy, hành vi chuẩn bị phạm tội hợp thành thể thống nhất với các hành vi khách quan của tội phạm. Hành vi chuẩn bị phạm tội phục vụ trực tiếp cho hậu quả tội phạm. Do đó, cần phải đặt ra giai đoạn chuẩn bị phạm tội đối với những tội này. Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp tội cố ý trực tiếp đều có giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Giai đoạn chuẩn bị phạm tội sẽ không có khi người phạm tội vừa có ý định phạm tội đã thực hiện ngay ý định đó. Trong trường hợp, các tội có lỗi cố ý trực tiếp mà người phạm tội không làm một việc mà pháp luật yêu cầu phải làm. Mặc dù có đủ điều kiện để làm thì cũng không có giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Các tội đó như: tội không cứu giúp người khác đang trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng – Điều 102 Bộ luật hình sự năm 1999; tội không tố giác tội phạm – Điều 134 Bộ luật hình sự năm 1999; tội không thi hành án – Điều 305 Bộ luật hình sự năm 1999.... Ví dụ: P là nhân viên công ty A, đêm ngày 05/10/2010 trên đường đi nhậu với anh em trong công ty về nhà P phát hiện có một người nằm ở vệ đường trong trạng thái bất tỉnh, chảy rất nhiều máu, có vẻ nguy hiểm đến tính mạng. P dừng lại và nghĩ chẳng liên quan đến mình, nếu đưa người này đi cấp cứu, đến bệnh viện có khi lại vạ lây, lại phải nhiều thủ tục phiền phức. Vì thế P đã bỏ đi. Sáng hôm sau, khi mọi người phát hiện ra người này đưa người này tới bệnh viện cấp cứu thì đã chết. Vì vậy, hành vi của P bỏ đi không cấp cứu người đang gặp nạn trong tình trạng nguy hiểm

đến tính mạng mà có đủ điều kiện cứu giúp đã cấu thành tội không cứu giúp người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng. Theo Điều 102 Bộ luật hình sự năm 1999, trường hợp của P hoàn toàn không có giai đoạn chuẩn bị phạm tội mặc dù lỗi của P trong trường hợp này là lỗi có ý trực tiếp.

**Thứ tư,** hành vi chuẩn bị phạm tội có thể cấu thành tội phạm độc lập khác.

Ví dụ: lấy trộm súng để thực hiện việc cướp tài sản, mua thuốc nổ để thực hiện việc giết người.

Trong các trường hợp này, khi tiến hành chuẩn bị phạm tội, hành vi chuẩn bị công cụ, phương tiện hoặc các điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm này. Đồng thời lại là hành vi khách quan của một tội phạm khác, do đó cấu thành tội phạm độc lập khác. Trong trường hợp này, người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về hai tội, một tội ở giai đoạn hoàn thành, một tội ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Khi áp dụng hình phạt, Tòa án quyết định theo nguyên tắc tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội quy định tại Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999.

**1.1.3. Phân biệt chuẩn bị phạm tội với ý định phạm tội, phạm tội chưa đạt và tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội, tội phạm hoàn thành, tội phạm kết thúc.**

***\* Chuẩn bị phạm tội với ý định phạm tội***

Trong khoa học luật hình sự, người ta có nói đến giai đoạn của tiến trình của hành vi phạm tội của người phạm tội, đó là giai đoạn biểu lộ ý định phạm tội.

Ý định phạm tội được hiểu là trường hợp một người trước khi thực hiện tội phạm thì những ý định, dự định phạm tội trong tư tưởng, suy nghĩ của họ thường chưa được biểu lộ ra bên ngoài. Trước khi phạm tội, người



phạm tội sẽ giữ kín ý định phạm tội của mình nhưng cũng có khi ý định phạm tội được biểu hiện ra bên ngoài bằng lời nói, chữ viết hoặc bằng một cử chỉ, hành động nào đó. Tuy nhiên, dưới góc độ pháp lý, tính chất nguy hiểm cho xã hội của những biểu hiện đó ở một chừng mực nhỏ vì trên thực tế dù một người có ý định phạm tội nhưng ý định đó chưa hoàn toàn chắc chắn đã được họ thực hiện. Bởi còn rất nhiều yếu tố chủ quan và khách quan tác động đến làm cho chủ thể suy nghĩ và tính toán có phạm tội hay không? Theo nguyên tắc chung của luật hình sự chỉ khi nào từ chỗ có ý định phạm tội, người phạm tội đã tiến hành những hành động cụ thể để thực hiện ý định ấy mới coi là tội phạm. Do vậy có thể khẳng định ý định phạm tội chưa phải là một giai đoạn phạm tội và chưa bị xử lý về hình sự.

Ý định phạm tội khác với chuẩn bị phạm tội ở chỗ ý định phạm tội không tạo ra những điều kiện vật chất, tinh thần để thực hiện tội phạm sau đó. Chính vì vậy mà luật hình sự không coi ý định phạm tội là một giai đoạn của quá trình thực hiện tội phạm cố ý.

***\* Chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt***

Phạm tội chưa đạt là hành vi cố ý thực hiện tội phạm nhưng tội phạm đã không được thực hiện đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.

Phạm tội chưa đạt là một giai đoạn của tội chưa hoàn thành (hay sơ bộ). Đối với phạm tội chưa đạt, chủ thể đã bắt đầu thực hiện hành vi phạm tội được mô tả trong cấu thành tội phạm tương ứng được quy định Phần các tội phạm Bộ luật hình sự. Nói một cách khác, hành vi phạm tội chưa đạt đã xâm phạm đến các quan hệ xã hội được luật hình sự ghi nhận và bảo vệ.

Trong trường hợp phạm tội chưa đạt, chủ thể chưa thực hiện hoặc không thực hiện được hành vi phạm tội đến cùng, có nghĩa hành vi của người này chưa thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu thuộc mặt khách quan của

cấu thành tội phạm là do nguyên nhân khách quan khác nhau nào đó ngoài ý muốn chủ quan của người phạm tội. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng "đến cùng" nói ở đây là đề cập dưới góc độ pháp lý chứ không phải là theo ý muốn chủ quan của người phạm tội. Cơ sở để xác định một người đã thực hiện tội phạm đến cùng (tội phạm hoàn thành hay không thực hiện được tội phạm đến cùng khác phạm tội chưa đạt) là ở chỗ hành vi của một người đã thỏa mãn hết các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể hay chưa.

Theo cách gọi của GS. TSKH Lê Văn Cẩm thì phạm tội chưa đạt, chuẩn bị phạm tội đều là những dạng của trường hợp tội phạm chưa hoàn thành để phân biệt với tội phạm hoàn thành. Hai giai đoạn chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt đều bị dừng lại do những nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của chủ thể khi thực hiện hành vi của mình. Qua nghiên cứu Bộ luật hình sự năm 1985 và Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009), theo PGS.TS. Lê Thị Sơn (Trường Đại học Luật Hà Nội) thì sự thể hiện nội dung này mới chỉ được cụ thể hóa qua quy định về phạm tội chưa đạt mà chưa thể hiện trong quy định về chuẩn bị phạm tội của Bộ luật hình sự [27, tr. 46].

Trường hợp chuẩn bị phạm tội, người phạm tội chưa bắt tay vào việc thực hiện hành vi phạm tội được quy định trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm tương ứng mà chỉ thực hiện những hành vi tạo ra các điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tội phạm.

Trường hợp phạm tội chưa đạt, người phạm tội đã bắt tay vào việc thực hiện tội phạm, các quan hệ xã hội được luật hình sự xác lập và bảo vệ đã bắt đầu bị xâm hại hoặc trực tiếp bị xâm hại. Vì vậy, mức độ nguy hiểm cho xã hội của phạm tội chưa đạt cao hơn chuẩn bị phạm tội. Chính vì thế, người thực hiện hành vi trong trường hợp chuẩn bị phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự (trừ trường hợp khi người chuẩn bị phạm một tội

rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng) , còn đối với trường hợp phạm tội chưa đạt thì tất cả các trường hợp, người thực hiện hành vi đó đều phải chịu trách nhiệm hình sự.

***\* Chuẩn bị phạm tội và tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội***

Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là trường hợp một người tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng mặc dù khách quan không có gì ngăn cản họ phạm tội. Chúng ta có thể thấy điều kiện được coi là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội:

Việc chấm dứt thực hiện ý định hoặc hành vi phạm tội của người phạm tội phải “tự nguyện” và “dứt khoát”.

Việc chấm dứt việc thực hiện tội phạm phải và chỉ xảy ra trong trường hợp tội phạm được thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội và giai đoạn phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành, chứ không thể xảy ra ở giai đoạn phạm tội chưa đạt đã hoàn thành hay giai đoạn tội phạm hoàn thành.

Điều kiện khách quan không có gì ngăn cản việc thực hiện, nếu người phạm tội muốn thực hiện tội phạm, hoàn toàn có thể thực hiện được. Việc chấm dứt thực hiện tội phạm phải do chính người đó tự quyết định, mặc dù vào thời điểm đó, quyết định chấm dứt việc thực hiện tội phạm, người phạm tội vẫn nhận thức được khả năng thực tế khách quan vẫn cho phép thực hiện tội phạm.

Còn chuẩn bị phạm tội là giai đoạn đầu của quá trình thực hiện tội phạm, không thực hiện hành vi đến cùng vì những yếu tố khách quan ngoài ý muốn của người phạm tội.

Vì vậy, đối với hành vi chuẩn bị phạm tội người phạm tội không tiếp tục thực hiện tội phạm nữa là do nguyên nhân khách quan tác động (chứ không phải do chủ quan) mà không thực hiện tội phạm đến cùng, còn tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là do ý muốn chủ quan của người đó, họ quyết định dừng lại. Người có hành vi chuẩn bị phạm tội phải chịu trách

nhiệm hình sự trên những cơ sở chung, còn người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội lại miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm, nếu hành vi phạm tội của họ không cấu thành tội phạm khác.

**\* *Chuẩn bị phạm tội và tội phạm hoàn thành***

Tội phạm hoàn thành được hiểu là trường hợp một người đã thực hiện hành vi thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm tương ứng được quy định tại Phần các tội phạm Bộ luật hình sự. Do đó, về phương diện *lý luận*, sự khác nhau cơ bản giữa tội phạm hoàn thành với tội phạm chưa hoàn thành (bao gồm cả chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt) là ở *mức độ thỏa mãn các dấu hiệu trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm*. Cho nên, đối với trường hợp phạm tội chưa đạt (mà đặc biệt là trường hợp phạm tội chưa đạt đã hoàn thành) rất gần với tội phạm hoàn thành của một loại tội phạm tương ứng. Còn trường hợp tội phạm hoàn thành thì hậu quả của tội phạm đã xảy ra, còn trường hợp phạm tội chưa đạt đã hoàn thành thì hậu quả của tội phạm chưa xảy ra hoặc nếu có xảy ra nhưng không thỏa mãn (đáp ứng) như cấu thành tội phạm mà điều luật tương ứng trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự đã quy định. Để phân biệt chính xác tội phạm chưa hoàn thành hay đã hoàn thành chỉ cần làm sáng tỏ hành vi phạm tội đã thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm được quy định trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự hay chưa. Nói một cách khác, giai đoạn chuẩn bị phạm tội được tính từ thời điểm người phạm tội chưa thực hiện bất kỳ hành vi nào được mô tả trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm trở về trước và có thể đã thực hiện các hành vi đi liền trước hành vi khách quan đó, trong khi đó, đối với giai đoạn tội phạm hoàn thành, thì người phạm tội đã thực hiện các hành vi thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm tương ứng được quy định tại Phần các tội phạm Bộ luật hình sự. Cho nên, nếu xem xét về *mức độ nguy hiểm cho xã hội* thì hành vi trong

trường hợp tội phạm hoàn thành đương nhiên có mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn và do đó, có tính nghiêm trọng hơn so với hành vi chuẩn bị phạm tội và theo logic đương nhiên là người thực hiện tội phạm hoàn thành phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn đối với người thực hiện hành vi trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Điều này cũng được cụ thể hóa trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành (Điều 52).

**\* Chuẩn bị phạm tội và tội phạm kết thúc**

Tội phạm kết thúc là khi hành vi phạm tội đã chấm dứt thực sự trên thực tế do các nguyên nhân khác nhau và thời điểm hành vi phạm tội chấm dứt cũng chính là thời điểm tội phạm kết thúc. Chuẩn bị phạm tội và tội phạm kết thúc ở một chừng mực nhất định cũng tồn tại sự giao nhau (trùng nhau) [30, tr. 26],

Trong khi đó, đối với trường hợp tội phạm kết thúc thì hành vi đã thực sự chấm dứt hoàn toàn do có thể do ý muốn chủ quan của người phạm tội hoặc có thể không, do các nguyên nhân khác ngăn cản, mặc dù người phạm tội không quan tâm đến việc hành vi đó đã đủ cấu thành tội phạm hay chưa. Đối với chuẩn bị phạm tội người thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự trên những cơ sở chung tương ứng và được cụ thể hóa trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành (Điều 52).

Chính vì vậy, việc phân biệt chuẩn bị phạm tội với các hình thức phạm tội trong quá trình thực hiện tội phạm không chỉ có ý nghĩa trên phương diện khoa học, mà còn góp phần phân hóa trách nhiệm hình sự và xử lý đúng đắn các trường hợp phạm tội, bảo đảm xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội.

## **1.2. CHUẨN BỊ PHẠM TỘI TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI.**

Để nhận thức sâu hơn, đầy đủ hơn, toàn diện hơn, trên cơ sở đó để đánh giá về mặt pháp luật đối với chế định chuẩn bị phạm tội trong luật hình sự Việt Nam và để có thể học tập kinh nghiệm lập pháp hình sự của nước ngoài, nảy sinh nhu cầu và tầm quan trọng của việc nghiên cứu chế định chuẩn bị phạm tội trong pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới. Qua nghiên cứu pháp luật hình sự một số nước trên thế giới, chúng ta thấy rằng ở mỗi nước việc quy định chuẩn bị phạm tội trong Luật hình sự có sự khác nhau.

### **1.2.1. Chế định chuẩn bị phạm tội trong bộ luật hình sự liên bang Nga.**

Bộ luật hình sự liên bang Nga được Đuma quốc gia thông qua ngày 24/5/1996 và tổng thống liên bang Nga ký Luật số 64 ngày 13/6/1996 “*Về việc thi hành Bộ luật hình sự của liên bang Nga*” có hiệu lực từ ngày 01/01/1997.

Theo Bộ luật hình sự liên bang Nga năm 1996, thì: “Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn phương tiện, công cụ phạm tội, tìm kiếm những người đồng phạm, bàn bạc việc thực hiện tội phạm hoặc cố ý tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm nhưng tội phạm không thực hiện được do hoàn cảnh khách quan” [4, tr. 59].

Theo Khoản 2 Điều 31 Bộ luật hình sự liên bang Nga năm 1996 thì trách nhiệm hình sự đối với việc chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng và một tội đặc biệt nghiêm trọng, nghĩa là những tội có mức hình phạt cao nhất từ trên 5 năm tù trở lên hoặc hình phạt nghiêm khắc hơn. Chính vì vậy, so với Bộ luật hình sự năm 1996 của Nga, Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 đã thu hẹp bớt phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của người chuẩn bị phạm tội, vì theo Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 hành vi

chuẩn bị phạm tội có mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy từ trên 7 năm tù trở lên, tù chung thân hoặc tử hình thì mới phải chịu trách nhiệm hình sự, còn hành vi chuẩn bị phạm tội một tội có mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là không quá 7 năm tù thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Bên cạnh đó, Bộ luật hình sự của liên bang Nga năm 1996 cũng có điều khoản quy định về quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm tội chưa đạt trong đó có quy định về trường hợp chuẩn bị phạm tội. (Khi quyết định hình phạt đối với tội phạm chưa đạt phải cân nhắc các tình tiết làm cho tội phạm không thực hiện đến cùng, Thời hạn và mức hình phạt đối với việc chuẩn bị phạm tội không vượt quá 1/2 thời hạn và mức hình phạt).

### **1.2.2. Chế định chuẩn bị phạm tội trong bộ luật hình sự Thụy Điển**

Bộ luật hình sự của Thụy Điển năm 1966 (sửa đổi bổ sung năm 1967, 1970, 1974, 1986, 1988, 1994, 1999) có quy định chế định chuẩn bị phạm tội. Trong Bộ luật hình sự Thụy Điển, khái niệm chuẩn bị phạm tội nằm trong các quy định về phạm tội chưa đạt, đồng phạm và tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. Theo Điều 3, Bộ luật hình sự Thụy Điển: “Hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và đồng phạm không được áp dụng đối với người không trực tiếp thực hiện tội phạm hoặc tự nguyện ngăn chặn không cho tội phạm được thực hiện đến cùng” [36, tr. 36]. Theo quy định của Bộ luật hình sự Thụy Điển thì người thực hiện tội phạm hoặc để thúc đẩy việc phạm tội mà tặng hoặc nhận tiền và các tài sản khác trước hoặc thanh toán cho việc thực hiện tội phạm hoặc cung cấp, xây dựng, trao, nhận, giữ, vận chuyển chất độc, chất nổ, vũ khí, dụng cụ phá hoại, dụng cụ làm đồ giả mạo hoặc các thiết bị văn phòng, trong các trường hợp có quy định riêng cho hành vi này thì bị xử phạt về

hành vi chuẩn bị phạm tội trừ trường hợp người đó bị xử phạt về tội đã hoàn thành hoặc phạm tội chưa đạt.

Hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội nhẹ hơn hình phạt nặng nhất và có thể thấp hơn hình phạt nhẹ nhất áp dụng đối với tội phạm hoàn thành không áp dụng nặng hơn hình phạt 2 năm tù trừ trường hợp tội phạm hoàn thành bị xử phạt tù từ 8 năm trở lên. Nếu khả năng thực hiện tội phạm đến cùng là rất ít thì người chuẩn bị phạm tội được miễn hình phạt (Điều 2 Chương 23). Bộ luật hình sự Thụy Điển cũng quy định chuẩn bị phạm tội có thể được miễn hình phạt (nếu khả năng thực hiện tội phạm đến cùng là rất ít).

### **1.2.3. Chế định chuẩn bị phạm tội trong bộ luật hình sự Nhật Bản**

Theo Bộ luật hình sự Nhật Bản năm 2001 (*đã sửa đổi, bổ sung năm 2005*) thì trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm tội, mức giảm nhẹ hoặc miễn hình phạt được quy định ngay tại điều khoản nói về hành vi chuẩn bị phạm tội cụ thể. Theo Điều 113 Bộ luật hình sự Nhật Bản thì: “Người nào chuẩn bị nhằm phạm các tội được quy định tại Điều 107 hoặc Khoản 1 Điều 109 thì phạt tù có lao động bắt buộc đến 2 năm. Tuy nhiên, trong những trường hợp giảm nhẹ thì có thể được miễn hình phạt” [2]. Với quy định này, khái niệm chuẩn bị phạm tội được ghi nhận gián tiếp thông qua các quy định về trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm tội. Pháp luật hình sự Nhật Bản chỉ đề cập đến hành vi chuẩn bị phạm tội qua các điều khoản cụ thể mà ở đó quy định hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội chứ không nêu cụ thể nội dung của nó. Cách quy định này của nhà làm luật Nhật Bản khác với cách quy định của nhà làm luật Việt Nam và nhà làm luật liên bang Nga. Nếu so sánh pháp luật hình sự Nhật Bản với pháp luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có thể thấy quy định trong



chuẩn bị phạm tội đối với những trường hợp giảm nhẹ có thể được miễn hình phạt có điểm giống nhau.

Theo Bộ luật hình sự Nhật Bản thì các tội có liên quan đến chuẩn bị phạm tội được liệt kê như sau: Chương 2 các tội liên quan đến nổi loạn nhằm lật đổ chính quyền (Điều 78 – chuẩn bị và bày mưu tính kế nổi loạn); Chương 3 các tội liên quan đến ngoại xâm (Điều 88 – Chuẩn bị và bày mưu tính kế); Chương 4 các tội liên quan các quan hệ đối ngoại (Điều 93 – chuẩn bị bày mưu tính kế gây chiến tranh); Chương 9 các tội liên quan đến hỏa hoạn và vô ý gây cháy (Điều 113 – chuẩn bị gây hỏa hoạn); Chương 16 các tội làm tiền giả (Điều 153 – chuẩn bị phạm tội); Chương 26 các tội giết người (Điều 201 – chuẩn bị phạm tội giết người); Chương 36 các tội trộm cắp và cướp tài sản (Điều 237 – chuẩn bị cướp tài sản) [2].

#### **1.2.4. Chế định chuẩn bị phạm tội trong bộ luật hình sự Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa**

Theo Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa được Quốc hội Trung Quốc thông qua tại kỳ họp thứ II, ngày 01/7/1979, có hiệu lực từ ngày 01/01/1980 và được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1997 thì “Đối với những hành vi chuẩn bị phạm tội có thể quyết định hình phạt giảm nhẹ, giảm khung hình phạt hoặc miễn hình phạt” (Điều 22) [1, tr. 46]. Như vậy, Bộ luật hình sự Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa coi chuẩn bị phạm tội là tình tiết giảm nhẹ, giảm khung hình phạt hoặc miễn hình phạt mà theo quy định tại Điều 63 Bộ luật hình sự Tòa án quyết định hình phạt nhẹ hơn mức tối thiểu của khung hình phạt. Khác với Bộ luật hình sự Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa, Bộ luật hình sự Việt Nam, không coi chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và khi quyết định hình phạt, Tòa án không được quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật hình sự (Điều 47)

khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999.

Nghiên cứu so sánh chế định chuẩn bị phạm tội trong pháp luật hình sự của các nước trên thế giới cho thấy các nước (*Thụy Điển, Liên bang Nga, Nhật Bản, Trung Quốc*) đều ghi nhận về vấn đề chuẩn bị phạm tội. Nhưng Bộ luật hình sự năm 1996 của liên bang Nga ngoài việc quy định đầy đủ, chặt chẽ và có hệ thống, còn quy định thêm dấu hiệu “*tìm kiếm người đồng phạm*”, “*bàn bạc việc thực hiện tội phạm*”.

Nghiên cứu pháp luật hình sự của một số nước ngoài có thể thấy các giai đoạn phạm tội bao gồm tội phạm chưa hoàn thành và tội phạm hoàn thành, trong đó chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt là hai giai đoạn của tội phạm chưa hoàn thành. Tuy nhiên chỉ có Bộ luật hình sự liên bang Nga quy định vấn đề này thành một điều khoản riêng biệt cụ thể là tại Điều 30, Bộ luật hình sự liên bang Nga quy định:

*1. Tội phạm được coi là hoàn thành nếu hành vi đã thực hiện có đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm được Bộ luật này quy định.*

*2. Chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt được coi là tội phạm chưa hoàn thành.*

*3. Trách nhiệm hình sự đối với tội phạm chưa hoàn thành được quy định trong điều luật trách nhiệm đối với tội hoàn thành và dẫn chiếu Điều 31 Bộ luật này [1].*

Như vậy tại Điều 30, Bộ luật hình sự nhà làm luật liên bang Nga đã đưa ra định nghĩa tội phạm chưa hoàn thành và ghi nhận nguyên tắc chung để giải quyết trách nhiệm hình sự của chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt. Đây là kinh nghiệm lập pháp mà Việt Nam cần học hỏi, tiếp thu, tham khảo trong quá trình hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự.

Nghiên cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi chuẩn bị phạm tội ở một số nước đã nêu trên có thể thấy quan điểm của các nhà làm

luật của mỗi nước khác nhau. Chẳng hạn, người phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với việc chuẩn bị phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, có thể quyết định hình phạt giảm nhẹ, giảm khung hình phạt hoặc miễn hình phạt (Trung Quốc), có thể được miễn hình phạt (Nhật Bản, Thụy Điển). Theo quan điểm của các nhà làm luật Việt Nam, người có hành vi chuẩn bị phạm tội không được giảm nhẹ, giảm khung hình phạt hoặc miễn hình phạt mà “*phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện nếu tội đó là tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng*”.

## *Chương 2*

# **CHẾ ĐỊNH CHUẨN BỊ PHẠM TỘI TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

## **2.1. CHẾ ĐỊNH CHUẨN BỊ PHẠM TỘI TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM.**

### **2.1.1. Sơ lược lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về chuẩn bị phạm tội từ thời kỳ phong kiến đến cách mạng tháng 8 năm 1945**

Vào thế kỷ X (năm 939) sau khi đại thắng quân Nam Hán, Ngô Quyền đã lên ngôi Vua, đánh dấu sự ra đời của Nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập đầu tiên. Đất nước Việt Nam có nhiều thay đổi, các thời kỳ nắm quyền lực nhà nước cũng có nhiều thay đổi. Vì vậy, hoạt động lập pháp dưới các triều đại của Nhà nước phong kiến Việt Nam vẫn chưa được quan tâm, nên không có tài liệu để tìm hiểu về thực trạng pháp luật trong giai đoạn này.

Năm 1042 vua Lý Thái Tông đã ban hành Bộ hình thư có ba tập, đây là Bộ luật viết đầu tiên của Việt Nam, nhưng cho đến ngày này thì không còn giữ được vì đã bị phong kiến Trung Hoa thời nhà Minh cướp đi trong cuộc chiến tranh xâm lược hồi đầu thế kỷ XV [21, tr. 163].

Thời nhà Trần (1225 – 1400), hoạt động lập pháp đã phát triển hơn. Năm 1230, vua Trần Thái Tông đã cho rà soát lại các văn bản pháp luật của các triều đại trước đó. Và vua Trần Thái Tông đã ban hành Quốc Triều hình luật, nhưng Quốc Triều hình luật cũng bị phong kiến Trung Hoa thời nhà Minh cướp đi mất. Năm 1341, Bộ hình thư của triều Trần được ban hành, nhưng cũng bị thất lạc nên chúng ta cũng không thể biết được quy định của từng điều khoản của hai Bộ luật nói trên [10, tr 12].

Năm 1428, sau khi đánh tan bọn phong kiến xâm lược Trung Hoa thời nhà Minh, giành lại độc lập cho Tổ quốc, Lê Lợi đã xưng vương, lấy hiệu là Lê Thái Tổ. Về sau, cũng thời nhà Lê, trong giai đoạn cầm quyền của vua Lê Thánh Tông (1460-1497), pháp luật nước ta đã phát triển và hoàn thiện nhất trong toàn bộ lịch sử tồn tại của chế độ phong kiến Việt Nam [41, tr. 104] với Bộ Quốc triều hình luật (Luật hình triều Lê) được ban hành năm 1483 (còn gọi là Bộ luật Hồng Đức). Ngoài ra, vua Lê Thánh Tông còn ban hành *Bộ Hồng Đức thiện chính thư* với tính chất là một văn bản pháp luật có tính chất hệ thống hóa các quy định về án lệ và một số các quy phạm pháp luật hình sự. Như vậy, Quốc triều hình luật là một thành tựu có giá trị *đặc biệt* trong lịch sử lập pháp Việt Nam. Bộ luật này không chỉ là đỉnh cao so với vào những thành tựu pháp luật của các triều đại trước, mà còn đối với cả bộ luật được biên soạn vào đầu thế kỷ XIX: Hoàng Việt luật lệ do Gia Long ban hành năm 1812 [14, tr. 2] Quốc Triều hình luật có giá trị to lớn trong lịch sử lập pháp Việt Nam. Luật hình sự trong Quốc triều hình luật có phạm vi trừng trị rất lớn. Trong Quốc Triều hình luật đã phân biệt rõ các hành vi chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành đối với tội phạm cụ thể, nhưng nhìn chung là những tội liên quan đến tính mạng, sức khỏe của con người, tội giết người hay tội cố ý gây thương tích theo quan điểm luật hình sự hiện nay.

Trong Quốc triều hình Luật hành vi chuẩn bị phạm tội được quy định dưới dạng “mưu phạm tội, mưu làm những việc có hại cho quốc gia và được quy định trong điều luật cụ thể. Ví dụ, Điều 5 Chương Đạo tặc Quyển IV (Điều 415) quy định: “*Những kẻ mưu giết người, thì xử tội lưu đi châu gần: đã làm người ta bị thương thì xử tội lưu đi chân ngoài, nếu vì bị thương mà chết thì xử tội giáo, đã giết chết thì xử tội chém...*” [25, tr. 162]

Năm 1812, Gia Long đã ban hành Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia

Long) đã quy định về trách nhiệm đối với riêng trường hợp chuẩn bị phạm tội. Theo Điều 67 Hoàng Việt luật lệ có quy định: “*Hễ sắp phạm một tội đại hình hoặc trừng trị mà những sự hành động trái phép và công việc sắp đặt trước để phạm tội ấy đã có chứng rõ, thời nếu không phải tự ý người phạm, chỉ vì có gì xảy ra tới, mà phải đình chỉ hoặc không thành hiệu, cũng cho như là một tội đại hình hoặc trừng trị. Trừ khi nào trong luật có điều lệ trái với điều này thời khác*” [14, tr. 273]. Vì vậy, trách nhiệm hình sự chỉ đặt ra với hành vi chuẩn bị phạm tội đại hình hoặc những hành vi trái phép và công việc sắp đặt trước để phạm tội ấy đã có chứng rõ.

Trong Hoàng Việt luật lệ, một số hành vi chuẩn bị phạm tội cũng bị nhà làm luật quy định trong điều luật cụ thể. Ví dụ trong Quyển 12 Phần Đạo Tặc Thương Điều 1 quy định tội mưu phản. Cụ thể, Điều 1 tội mưu phản đại nghịch quy định: “*phàm kẻ mưu phản không làm lợi cho đất nước, mưu hại xã tắc và đại nghịch không có lợi đối với vua, mưu phá hủy tôn miếu, sơn lăng và cung quyết*”. Theo Điều 223, Hoàng Việt luật lệ quy định: “*Phàm kẻ mưu phản không làm lợi cho đất nước, mưu hại xã tắc và đại nghịch không có lợi đối với vua, mưu phá hủy tôn miếu, sơn lăng và cung quyết. Chỉ nhúng tay vào âm mưu mà không chia cầm đầu hay tòng phạm đã hay chưa làm đều bị xử tử bằng lăng trì. Ông nội, cha con, cháu, anh em và người ở cùng trong một nhà, như trong tộc không thể tang thân thuộc, bà ngoại, cha vợ, rể, không chia khác nhau theo họ, chánh phạm hay mới quen. Chú bác, con của anh em không hạn đã hay chưa ở riêng, quê quán khác nhau. Nam từ 16 tuổi trở lên, không kể bệnh nặng, tàn phế đều đem chém hết*” [14].

Nghiên cứu luật hình sự phong kiến Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX, mà cụ thể là qua nghiên cứu Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức) và Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long) cho thấy pháp luật hình sự thời kỳ

này không có điều luật chung quy định về chuẩn bị phạm tội. Các hành vi phạm tội được quy định cụ thể thành các tội riêng biệt, những hành vi chuẩn bị phạm tội nếu thấy cần xử lý thì luật quy định cụ thể trong điều luật. Mặc dù, chưa đưa ra được khái niệm cụ thể về chuẩn bị phạm tội nhưng trong Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ đã chỉ ra được hình thức chuẩn bị phạm tội bằng cách quy định việc “mưu” phạm tội thành các tội phạm cụ thể.

Giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược nước ta, Pháp đã thực hiện chính sách chia để trị, chúng đã xây dựng hệ thống pháp luật thực dân, nửa phong kiến Việt Nam. Vì vậy, hệ thống pháp luật hình sự trong thời kỳ Pháp thuộc đã chia thành 3 miền với ba Bộ luật hình sự. Ở Bắc Kỳ, Nghị định ngày 2/12/1921 đã áp dụng hình luật An Nam, Nam Kỳ theo Sắc Luật ngày 25/7/1884, Bộ luật Gia Long được áp dụng đối với người phạm tội bản xứ và trong Sắc luật ngày 16/3/1890, bọn Pháp thuộc đã quy định các Tòa án ở Nam Kỳ phải áp dụng pháp luật hình sự của Pháp thay cho Bộ luật Gia Long. Ở Trung Kỳ, với Dụ số 43 ngày 31/7/1933, Vua Bảo Đại đã cho ban hành Hoàng Việt luật lệ.

### **2.1.2. Chế định chuẩn bị phạm tội trong các qui định của luật hình sự Việt Nam từ sau cách mạng tháng 8 năm 1945 cho đến khi có Bộ luật hình sự năm 1985**

Trong điều kiện lịch sử chính trị - xã hội, luật hình sự Việt Nam trước năm 1945, đặc biệt là luật hình sự Việt Nam phong kiến được nhà nước phong kiến quan tâm xây dựng và đã đạt đến một trình độ phát triển tương đối cao. Nguồn luật hình sự Việt Nam trước năm 1945 tương đối đa dạng về hình thức, phong phú về số lượng, về cơ bản đáp ứng được nhu cầu điều chỉnh pháp luật của xã hội đương thời. Cách mạng tháng Tám thành công đã đánh dấu một bước ngoặt lịch sử, đó là Nhà nước Việt Nam dân

chủ cộng hòa ra đời. Nguồn luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1985 chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi các điều kiện lịch sử của đất nước trong giai đoạn này. Các điều kiện lịch sử đó là: 1) Sự sụp đổ của chế độ thuộc địa và sự cáo chung của triều đình nhà Nguyễn – triều đại phong kiến cuối cùng ở Việt Nam; 2) Chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập là kết quả của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945, đồng thời cũng là sự khẳng định sự toàn thắng của hệ tư tưởng Mác-xít ở Việt Nam so với các xu hướng tư tưởng khác trong cuộc đấu tranh cởi bỏ ách nô lệ, dành độc lập, thống nhất cho dân tộc; 3) Cuộc kháng chiến chống Pháp kéo dài chín năm (từ 1946 đến 1954), cuộc kháng chiến chống Mỹ (từ 1954 đến 1975) và cuộc chiến tranh biên giới với các nước láng giềng sau đó đặt Việt Nam trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội được đặt thứ hai sau nhiệm vụ bảo vệ sự tồn vong của chính quyền nhân dân, bảo vệ chế độ với phương châm lịch sử “không có gì quý hơn độc lập tự do” và tinh thần “Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm” (Điều 13 Hiến pháp 1992); 4) Chế độ quản lý kinh tế tập trung, bao cấp kéo dài từ thời chiến sang thời bình, tuy có những thời điểm mang lại kết quả tích cực song do chậm được chuyển đổi nên gây cản trở cho sự phát triển chung của đất nước; 5) Việt Nam là một thành viên của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới do Liên xô đứng đầu, pháp luật Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của pháp luật Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Chính vì vậy vào thời điểm đó tình trạng tội phạm diễn ra hết sức phức tạp và khó khăn. Chính vì vậy, thời điểm đó Nhà nước ta chưa có điều kiện xây dựng một Bộ luật hình sự Việt Nam hoàn chỉnh có những quy phạm nói chung về tội phạm và chế định chuẩn bị phạm tội nói riêng. Nhưng nhìn tổng thể chúng ta có thể thấy chính sách hình sự của Việt Nam đối với chế định chuẩn bị phạm tội được thể hiện cụ thể qua các chế định sau:



Giai đoạn từ 1945 đến năm 1985, ở nước ta chưa có một đạo luật hình sự thống nhất, các quy phạm pháp luật hình sự được quy định trong nhiều văn bản khác nhau nhưng chưa có văn bản nào quy định về khái niệm chuẩn bị phạm tội, mà chỉ có sắc lệnh, pháp lệnh về hình sự:

- Sắc lệnh 47/SL ngày 10 tháng 10 năm 1945 cho phép tạm thời áp dụng một số điều luật của chế độ cũ nếu nó không trái với lợi ích của chế độ mới.

- Sắc lệnh số 267/SL ngày 15 tháng 06 năm 1956 về trừng trị những âm mưu hành động phá hoại tài sản của Nhà nước, của hợp tác xã, của nhân dân và cản trở việc thực hiện chính sách kế hoạch của nhà nước.

Các Nghị định, thông tư, báo cáo tổng kết của Tòa án nhân dân tối cao cũng có giá trị trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự. Trong các văn bản pháp luật hình sự và các văn bản của ngành Tòa án...chưa đưa ra được khái niệm các giai đoạn thực hiện tội phạm, nhưng cũng đã khái quát đưa ra được các khái niệm về âm mưu phạm tội, chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tội phạm hoàn thành, chấm dứt nửa chừng.

Trong Sắc luật số 02/SLT ngày 18 tháng 06 năm 1957 đã quy định một trong những trường hợp phạm pháp bắt quả tang, những trường hợp khẩn cấp, những trường hợp khám người phạm pháp quả tang mà cơ quan Công an có thể bắt giữ trước khi có lệnh viết của cơ quan tư pháp từ cấp tỉnh hoặc thành phố trở lên hoặc Tòa án binh như sau:

*“Có hành động chuẩn bị làm việc phạm pháp” (khoản 1 Điều 2)*

*“Người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra vụ phạm pháp chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là kẻ phạm pháp (khoản 2 điều 2)*

*“Tìm thấy chứng cứ phạm pháp trong người hoặc tại nhà ở của người bị tình nghi phạm pháp” (khoản 3 điều 2)*

*“Có hành động chuẩn bị trốn hoặc đang trốn” (khoản 4 điều 2)*

*“Có hành động chuẩn bị tiêu hủy chứng cứ; hoặc đang tiêu hủy chứng cứ, làm giả chứng cứ. Có sự thông đồng giữa những kẻ phạm pháp với nhau để trốn tránh pháp luật” (khoản 5 điều 2)*

*“Căn cước, lai lịch không rõ ràng” (khoản 6 điều 2) [31, tr. 26-27]*

Việc quy định quy phạm pháp luật này, ta thấy bất kỳ người nào có mục đích làm việc phạm pháp, trái pháp luật như gây nguy hại cho chính quyền nhân dân, xâm phạm tính mạng đều phải xử lý. Mặc dù người đó chỉ mới có “hành vi chuẩn bị” mà chưa cần trực tiếp thực hiện việc phạm pháp đó cũng bị bắt giữ để điều tra và xử lý.

Trong Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng ngày 30 tháng 10 năm 1967 có đề cập đến *âm mưu phạm tội*. Điều 2 của Pháp lệnh này có quy định: âm mưu phạm tội và hành động phạm tội đều bị trừng trị [16]. Âm mưu phạm tội là giai đoạn đầu của việc tiến hành các tội phản cách mạng, trừ đối với tội âm mưu lật đổ chính quyền nhân dân thì tội phạm hoàn thành và không thể chấm dứt nửa chừng nữa khi hai tên phản cách mạng hoặc hơn nữa đã bàn bạc và quyết định việc thực hiện tội phạm [16, tr. 26]. Vì vậy, trong giai đoạn này, chuẩn bị phạm tội được hiểu theo nghĩa rất rộng là có hành động chuẩn bị việc *phạm pháp hoặc là âm mưu phạm tội*.

Trong Báo cáo tổng kết số 452-HS2 ngày 10 tháng 08 năm 1970 của Tòa án nhân dân tối cao về thực tiễn xét xử tội giết người, có đoạn giải thích *“muốn gọi là có dự mưu về việc chuẩn bị giết người của can phạm phải được suy nghĩ tương đối kỹ càng trước khi hành động...”* [16, tr. 25].

Trong ban tổng kết thực tiễn vận dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trong công tác xét xử về hình sự (có kèm theo Công văn số 38-NCPL

ngày 16 tháng 01 năm 1976 của Tòa án nhân dân tối cao) có đoạn viết: “...những tình tiết này nói lên: “Hoạt động tội phạm ở giai đoạn nào, mức độ thực hiện tội phạm: Chuẩn bị phạm tội, tội đã hoàn thành hay chưa, các nguyên nhân khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng...” [16, tr. 101].

Chính vì vậy, trong giai đoạn này do những hạn chế nhất định về mặt lịch sử mà chưa có một văn bản nào ghi nhận (giải thích hoặc quy định) khái niệm “chuẩn bị phạm tội” và cũng không quy định về việc quyết định hình phạt đối với hành vi phạm tội. Nhưng ở tất cả các văn bản pháp luật quy định về tội phạm cụ thể và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao, ta thấy rõ hành vi chuẩn bị phạm tội có thể vận dụng đối với các loại tội phạm khác. Việc quy định như vậy là hoàn toàn hợp lý, phù hợp với hoàn cảnh lúc bấy giờ và không vi phạm các nguyên tắc của luật hình sự, vẫn đảm bảo nguyên tắc ai có tội sẽ bị xử lý, chứ không tàn bạo... của xã hội chủ nô, phong kiến.

### **2.1.3. Chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 1985**

Năm 1985, Bộ luật hình sự đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời (*được Quốc hội khóa VI, kỳ họp thứ 9 thông qua từ ngày 21 tháng 6 đến 27 tháng 6 năm 1985 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1986*), đã giải quyết tương đối triệt để những đòi hỏi của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, lần đầu tiên khái niệm chuẩn bị phạm tội được ghi nhận trong Bộ luật hình sự. Bắt đầu từ đây, theo khoản 1 Điều 15 – Bộ luật hình sự năm 1985: “*Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm*”.

Theo Bộ luật hình sự năm 1985 thì chuẩn bị phạm tội và phạm tội

chưa đạt cùng được quy định trong một điều luật. Điều 15 quy định với 3 điều khoản tương ứng, khoản 1 về chuẩn bị phạm tội, khoản 2 về phạm tội chưa đạt, khoản 3 về căn cứ quyết định hình phạt đối với chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và được áp dụng đối với tất cả các tội phạm Bộ luật hình sự như sau:

*1. Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm.*

*Người chuẩn bị phạm một tội nghiêm trọng phải chịu trách nhiệm hình sự.*

*2. Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.*

*3. Đối với hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi phạm tội chưa đạt, hình phạt được quyết định theo các điều của Bộ luật này về các tội phạm tương ứng, tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng [22].*

Qua các lần sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1985 vào các năm 1989, 1992, 1997 thì các quy định về tội phạm chưa hoàn thành không thay đổi.

Qua thực tiễn áp dụng Bộ luật hình sự năm 1985 cũng như qua phân tích các quy định của Bộ luật hình sự năm 1985 có thể thấy một số mặt hạn chế (cả về khoa học và kỹ thuật lập pháp). Phải đến lần pháp điển hóa lần thứ hai với việc thông qua Bộ luật hình sự năm 1999, chế định chuẩn bị phạm tội mới được quy định một cách chính xác và đầy đủ hơn.

Ngày 05 tháng 01 năm 1986 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 02/HĐTP về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự, trong đó có hướng dẫn Điều 15 Bộ luật Hình sự quy định quy định ở Mục III – Chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt vì hai chế định này quy định trong cùng một điều luật. Chỉ đối với những tội phạm được thực hiện do cố ý mới có giai đoạn chuẩn bị phạm tội vì khi cố ý phạm tội người phạm tội mới thường tiến hành một số hoạt động: tìm kiếm sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện tội phạm. Theo Khoản 1 Điều 15 Bộ luật hình sự quy định: Chỉ chuẩn bị phạm một tội nghiêm trọng thì người chuẩn bị phạm tội mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, có thể hiểu chỉ đối với những tội phạm gây nguy hiểm cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên 5 năm thì người chuẩn bị phạm tội mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

Như vậy trước khi có Bộ luật hình sự năm 1985 (pháp điển hóa lần thứ nhất) không có văn bản nào ghi nhận khái niệm “*Chuẩn bị phạm tội*” và quyết định hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội. Trong Bộ luật hình sự năm 1985 lần đầu tiên khái niệm chuẩn bị phạm tội và khái niệm phạm tội chưa đạt được quy định tại một điều luật (Điều 15 Bộ luật hình sự năm 1985). Hơn thế nhà làm luật còn quy định việc quyết định hình phạt đối với người có hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt.

## **2.2. Chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự 1999.**

Bộ luật hình sự năm 1999 được Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 6 từ ngày 18 tháng 11 đến 21 tháng 12 năm 1999 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2000. Với sự ra đời Bộ luật hình sự năm 1999 thì chuẩn bị phạm tội đã được quy định thành một điều luật riêng biệt, cụ thể là được quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự năm 1999. Điều này đã khẳng định pháp luật Việt

Nam đã phát triển và hoàn thiện hơn.

### **2.2.1. Hành vi chuẩn bị phạm tội**

Bộ luật hình sự năm 1999, tại điều 17 có quy định: “*Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm*”.

**Thứ nhất**, việc quy định khái niệm chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự thể hiện chính sách hình sự và đường lối xử lý tội phạm của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Việc quy định khái niệm chuẩn bị phạm tội trong Luật hình sự là căn cứ pháp lý quan trọng để giải quyết một cách công khai, minh bạch, đúng người đúng tội, có căn cứ và đúng luật vấn đề trách nhiệm hình sự của người chuẩn bị gây hậu quả nguy hại cho xã hội. Đồng thời, xác định một cách chính xác, khách quan và hợp lý các quan hệ xã hội cụ thể cần phải được điều chỉnh bằng luật hình sự. Việc quy định chế định chuẩn bị phạm tội còn góp phần bảo vệ tốt hơn lợi ích nhà nước, các quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; hỗ trợ công tác giáo dục, phổ biến và tuyên truyền các kiến thức về pháp luật để thông qua đó nâng cao ý thức pháp luật, trình độ văn hóa pháp lý trong các tầng lớp nhân dân tạo thói quen tôn trọng, tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của công dân.

**Thứ hai**, chuẩn bị phạm tội là căn cứ pháp lý để xác định trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với người có hành vi chuẩn bị phạm tội.

Điều 2, Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “*Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự*”. [24, tr.15].

Theo đó, một người chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình khi có điều luật cụ thể điều chỉnh quan hệ đó.

Việc ghi nhận khái niệm chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 1999 là căn cứ để xác định một người đã thực hiện hành vi chuẩn bị có phải chịu trách nhiệm hình sự hay không và trách nhiệm hình sự đặt ra với họ như thế nào. Từ đó, đưa ra được hình phạt phù hợp với hành vi mà họ đã thực hiện.

*Thứ ba*, việc quy định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 1999 là căn cứ để phân hóa trách nhiệm hình sự.

Chế định chuẩn bị phạm tội là một trong ba giai đoạn thực hiện tội phạm. So với phạm tội chưa đạt và phạm tội hoàn thành thì chuẩn bị phạm tội có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn. Do vậy, hình phạt áp dụng đối với chuẩn bị phạm tội cũng thấp hơn. Vì vậy, việc ghi nhận chuẩn bị phạm tội trong luật là căn cứ pháp lý để phân hóa trách nhiệm hình sự giữa các mức độ thực hiện tội phạm.

*Thứ tư*, việc quy định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 1999 đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Luật hình sự Việt Nam không chỉ mang tính trừng phạt mà còn mang tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm. Việc quy định khái niệm chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 1999 và người thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm trong trường hợp chuẩn bị phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng làm căn cứ pháp lý quan trọng góp phần làm cho công tác điều tra, truy tố, xét xử người có hành vi chuẩn bị phạm tội được đúng đắn, chính xác.

### **2.2.2. Cơ sở trách nhiệm hình sự của hành vi chuẩn bị phạm tội theo qui định của BLHS 1999**

Một trong những nguyên tắc cơ bản của Luật hình sự Việt Nam là người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có đầy đủ dấu hiệu của tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự thì phải chịu trách nhiệm hình

sự. Thuật ngữ “trách nhiệm” ở đây không dùng để chỉ nghĩa vụ mà công dân phải thực hiện đối với nhà nước và xã hội mà nó được dùng để chỉ hậu quả pháp lý bất lợi mà một người phải gánh chịu trước nhà nước và xã hội vì họ đã thực hiện những hành động mà pháp luật hình sự cấm hoặc không thực hiện những nghĩa vụ mà pháp luật hình sự bắt buộc phải thực hiện, gây ra hoặc đe dọa gây ra những thiệt hại đáng kể cho quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ. Hậu quả pháp lý đó chính là trách nhiệm hình sự. Vì vậy, trách nhiệm hình sự là *“trách nhiệm của người phạm tội phải chịu những hậu quả pháp lý bất lợi về hành vi phạm tội của mình”* [12, tr. 210].

Cơ sở trách nhiệm hình sự chính là việc một người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm được quy định trong phần các tội phạm của luật hình sự. Theo đó, một người chỉ phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi về hành vi của mình đã thực hiện hành vi đó khi thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự.

Tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi chuẩn bị phạm tội được hiểu theo nghĩa rộng, có nghĩa là hành vi chuẩn bị phạm tội vừa thể hiện tính gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ vừa chứa đựng lối cố ý trực tiếp của người thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội. Tính nguy hiểm cho xã hội được hiểu là một đặc điểm của hành vi khách quan của tội phạm – gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại cho quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Tính nguy hiểm cho xã hội không chỉ thể hiện tính gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ mà cả tính cố lỗi của hành vi phạm tội. Trong trường hợp chuẩn bị, người phạm tội đã thực hiện hành vi là tạo điều kiện cần thiết cho việc thực hiện tội phạm cụ thể nhưng chưa thực hiện tội phạm đó. Vậy tại sao các nhà làm luật lại quy định trách nhiệm hình sự đối với



người có hành vi chuẩn bị phạm tội. Người thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự vì hành vi chuẩn bị phạm tội của mình có tính chất nguy hiểm cho xã hội.

Bộ luật hình sự năm 1985, tại điều 15 như đã nhấn mạnh ở mục trước đây quy định chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, căn cứ quyết định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt tại cùng một điều luật. Nhưng tại Bộ luật hình sự năm 1999 tại tách thành một điều luật riêng. Cụ thể, tại Chương III về tội phạm quy định chuẩn bị tội phạm và phạm tội chưa đạt thành hai điều riêng biệt. Điều 17 về chuẩn bị phạm tội và Điều 18 là phạm tội chưa đạt. Điều 52 là căn cứ quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt được quy định ở Chương VII về quyết định hình phạt. Điều này thể hiện sự tiến bộ trong kỹ thuật lập pháp của Bộ luật hình sự năm 1999 so với Bộ luật hình sự năm 1985. Vì vậy, chế định chuẩn bị phạm tội cũng như phạm tội chưa đạt được nhà làm luật quy định một cách rõ ràng, chi tiết và có hệ thống hơn.

Theo Điều 17 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 thì định nghĩa của chuẩn bị phạm tội được định nghĩa như sau: “*Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm*”.

Hành vi chuẩn bị phạm tội là hành vi tạo điều kiện cần thiết cho tội phạm xảy ra. Hành vi khách quan của tội phạm có được thực hiện thuận lợi, dễ dàng hay không phụ thuộc nhiều vào hành vi chuẩn bị. Chuẩn bị càng chu đáo, càng công phu bao nhiêu thì hậu quả tội phạm càng gần với mục đích của tội phạm bấy nhiêu. Như vậy, hành vi chuẩn bị phạm tội hợp thành thể thống nhất với hành vi khách quan của tội phạm, qua đó đặt quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ vào trạng thái đe dọa xâm hại.

Người thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội, khi tiến hành chuẩn bị

công cụ, phương tiện hoặc những điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện tội phạm đã nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà mình thực hiện, thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi đó. Nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi nghĩa là khi thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội chủ thể biết được rằng hành vi chuẩn bị phạm tội của mình có hại cho xã hội, đi ngược lại lợi ích, các yêu cầu và chuẩn mực xã hội. Người phạm tội nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi chuẩn bị phạm tội của mình không có nghĩa là nhận thức được tính trái pháp luật của hành vi chuẩn bị phạm tội. Một người biết hay không biết tính trái pháp luật của hành vi chuẩn bị phạm tội không phải là điều kiện bắt buộc để xác định họ có lỗi hay không có lỗi khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Khi nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi chuẩn bị phạm tội có thể gây ra, thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi đó mà người chuẩn bị phạm tội vẫn tiến hành tìm kiếm người đồng phạm hoặc tạo ra các điều kiện cần thiết khác cho tội phạm xảy ra; chứng tỏ người chuẩn bị phạm tội mong muốn hậu quả nguy hiểm cho xã hội xảy ra. Vì vậy, hành vi chuẩn bị phạm tội vừa chứa đựng tính nguy hiểm cho xã hội vừa chứa đựng lỗi cố ý trực tiếp của người thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội. Chính vì vậy, người thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự.

Trong lý luận luật hình sự có quan điểm cho rằng trường hợp chuẩn bị phạm tội là trường hợp mà hành vi mặc dù chưa đủ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm nhưng luật hình sự vẫn quy định trách nhiệm hình sự [5, tr. 10]. Chúng tôi không đồng ý với quan điểm này, vì cơ sở của trách nhiệm hình sự trong mọi trường hợp là việc thực hiện hành vi thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự. Nói cách khác, cơ sở của trách nhiệm hình sự là việc thực hiện hành vi nguy hiểm

cho xã hội mà luật hình sự quy định là tội phạm.

*Từ khái niệm chuẩn bị phạm tội trên, chúng ta có thể hiểu dấu hiệu của hành vi chuẩn bị phạm tội như sau:*

Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm.

Hành vi chuẩn bị phạm tội, mặc dù không thỏa mãn tất cả các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể được quy định tại điều luật cụ thể ở phần các Tội phạm của Bộ luật hình sự nhưng hành vi chuẩn bị phạm tội thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm của hành vi chuẩn bị phạm tội. Cấu thành này được hình thành bởi tổng hợp các dấu hiệu chung của hành vi chuẩn bị phạm tội (Điều 17 Bộ luật hình sự năm 1999) và các điều luật cụ thể được quy định trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự.

*Hành vi chuẩn bị phạm tội có thể thể hiện dưới các hình thức sau:*

- Tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện là người chuẩn bị phạm tội dùng mọi cách, khả năng của mình để có được những công cụ, phương tiện với mục đích thực hiện được tội phạm đến cùng. Hành vi của người chuẩn bị phạm tội là xem công cụ có dùng được không, sửa chữa, tân trang với mục đích là thực hiện được tội phạm. Công cụ thực hiện tội phạm là bất kỳ vật dụng gì sử dụng được để trực tiếp thực hiện tội phạm. Phương tiện là những vật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành tội phạm.

- Tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm có thể là chuẩn bị kế hoạch, tìm đồng phạm, bàn bạc với nhau, phân công công việc.

Trong những dạng hành vi chuẩn bị phạm tội trên, chúng ta thấy hành vi tìm kiếm, sửa soạn công cụ phạm tội là phổ biến vì nói chung đó là những điều kiện cần thiết, mang tính chất bắt buộc để thực hiện tội phạm như mong muốn.

Hành vi chuẩn bị phạm tội đã được chuẩn bị kỹ càng, người phạm tội không thực hiện được hành vi đến cùng không phải là nguyên nhân khách quan, mà nguyên nhân ở đây là do nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Nếu không có những nguyên nhân khách quan này thì tội phạm sẽ thực hiện ở giai đoạn tiếp theo (phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành).

Mặt chủ quan của hành vi chuẩn bị phạm tội luôn thể hiện dưới dạng cố ý trực tiếp tức là: Lỗi cố ý trực tiếp là lỗi của một người khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình, thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra. Động cơ và mục đích của người thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội rất rõ ràng và cùng với hành vi chuẩn bị phạm tội chúng hợp thành một thể thống nhất, hỗ trợ nhau để việc thực hiện tội phạm sau đó dễ dàng, đạt kết quả cao.

Theo Khoản 2, Điều 17 Bộ luật hình sự quy định: “*Người chuẩn bị phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đã thực hiện*”. Căn cứ vào cách phân loại tại Điều 8 Bộ luật hình sự năm 1999 (*tội phạm được phân thành bốn loại: tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*). Quy định này có thể xác định theo Bộ luật hình sự năm 1999, hành vi chuẩn bị phạm tội có mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy từ 7 trên 7 năm tù trở lên, tù chung thân hoặc tử hình thì phải chịu trách nhiệm hình sự, còn hành vi chuẩn bị phạm tội một tội có mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là không quá 7 năm tù thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Chính vì vậy, so với Bộ luật hình sự năm 1999 đã thu hẹp bớt phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của người chuẩn bị phạm tội vì theo Bộ luật hình sự năm 1985 thì người chuẩn bị

phạm một tội có mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là từ trên 5 năm tù trở lên đến không quá 7 năm tù vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự. Còn theo Bộ luật hình sự năm 1999 thì người có hành vi chuẩn bị phạm tội này không phải chịu trách nhiệm hình sự. Điều này thể hiện Bộ luật hình sự năm 1999 đã “phi tội phạm hóa” (tức là loại trừ khỏi pháp luật hình sự hiện hành một hành vi nào đó mà trước đây được coi là tội phạm và hủy bỏ trách nhiệm hình sự đối với việc thực hiện hành vi đó), [8, tr. 64] đối với một số hành vi chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 1985.

Việc quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi chuẩn bị phạm tội là cần thiết. Vì về mặt khách quan, hành vi chuẩn bị phạm tội là những hành vi gây nguy hiểm cho xã hội, đe dọa, gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Về mặt chủ quan, người chuẩn bị phạm tội đã có ý thức phạm tội và họ quay lại chuẩn mực xã hội (họ là người có lỗi). Người chuẩn bị phạm tội chưa thực hiện hành vi phạm tội của mình là do những nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của người phạm tội.

### **2.2.3. Mức độ trách nhiệm hình sự của hành vi chuẩn bị phạm tội**

Hành vi chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự, mặc dù hành vi đó chỉ mới là chuẩn bị phương tiện, công cụ và tạo ra những điều kiện cần thiết cho việc thực hiện tội phạm. Nhưng về mặt khách quan, người có hành vi chuẩn bị phạm tội đã có những hành vi gây nguy hiểm cho xã hội. Trong thực tế, hành vi chuẩn bị phạm tội chưa gây thiệt hại nhưng hành vi chuẩn bị phạm tội độc lập hoặc trong mối quan hệ tổng hợp với một hoặc nhiều hiện tượng khác đã chứa đựng khả năng làm phát sinh hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng cho xã hội. Hành vi chuẩn bị phạm tội xét về mặt chủ quan được thực hiện với lỗi cố ý trực

tiếp.

Qua tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự và tiếp thu kinh nghiệm lập pháp hình sự các nước trên thế giới, pháp luật hình sự Việt Nam quy định ngày càng rõ rệt và cụ thể về trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm tội. Điều 15, Bộ luật hình sự năm 1985 quy định: “*Người chuẩn bị phạm một tội nghiêm trọng phải chịu trách nhiệm hình sự*”. Căn cứ vào cách phân loại tội phạm tại Điều 8 Bộ luật hình sự năm 1985 thì hành vi chuẩn bị phạm một tội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên 5 năm tù thì phải chịu trách nhiệm hình sự; nếu không quá 5 năm tù thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Quy định này đã thể hiện sự phân hóa trong việc quy định có trách nhiệm hình sự hay không có trách nhiệm hình sự đối với chuẩn bị phạm tội của tội phạm tội cố ý trực tiếp. Chỉ có những người hành vi chuẩn bị phạm tội, tội gây nguy hại lớn cho xã hội mà được Bộ luật hình sự quy định là tội nghiêm trọng mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Quy định trên cũng chính thức thừa nhận rằng so với phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành thì chuẩn bị phạm tội có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp nhất.

Cần nhắc lại rằng Bộ luật hình sự năm 1985, mặc dù đã có sự phân hóa trách nhiệm hình sự giữa hành vi chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành nhưng do những hạn chế nhất định (thiếu những điều luật liên quan quy định cụ thể mức độ trách nhiệm hình sự của giai đoạn phạm tội) nên sự phân hóa trách nhiệm hình sự chưa được rõ. Để khắc phục những hạn chế của Bộ luật hình sự năm 1985 và phân hóa cao hơn trách nhiệm hình sự đối với hành vi thực hiện tội phạm cố ý ở các mức độ khác nhau. Theo Điều 17 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “*Người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì phải chịu trách nhiệm hình sự*”. Theo Khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự năm

1999 tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hiểm rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình. Vì vậy, đối với những tội phạm có mức cao nhất của khung hình phạt đến bảy năm tù thì hành vi chuẩn bị phạm tội những tội này không phải là tội phạm và người thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội đó không phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự năm 1999 không quy định cụ thể người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý trực tiếp mới phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện. Có thể hiểu, chỉ với những tội phạm do cố ý trực tiếp mới có giai đoạn chuẩn bị phạm tội vì chỉ trong trường hợp cố ý trực tiếp phạm tội, thì người định thực hiện tội phạm mới tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện cần thiết khác để thực hiện phạm tội. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự năm 1999: *“Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có mức cao nhất của khung hình phạt là đến 15 năm tù và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có mức cao nhất của khung hình phạt tù từ trên 15 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình”*. Theo Điểm a Điều 1 – Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP thì chỉ người nào chuẩn bị phạm một tội do cố ý trực tiếp mà có mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là từ trên 7 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình, thì người chuẩn bị phạm tội mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

Trong Bộ luật hình sự năm 1999 có nhiều điều luật quy định một tội phạm, vừa là tội ít nghiêm trọng, vừa là tội phạm nghiêm trọng, vừa là tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Ví dụ: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe người khác (Điều 104, Bộ luật hình

sự); Tội trộm cắp tài sản (Điều 138, Bộ luật hình sự)... Việc loại trừ trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong một số trường hợp rất khó xác định. Ví dụ: Một người có hành vi chuẩn bị trộm cắp tài sản, vì người đó chưa thực hiện hành vi phạm tội nên chúng ta không thể biết được hậu quả do hành vi phạm tội xảy ra như thế nào... tài sản mà người chuẩn bị phạm tội định chiếm đoạt có lớn hay không để xác định họ phạm vào khoản 1 hay khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, người phạm tội nhận sẽ trộm cắp tài sản có giá trị rất lớn thì họ sẽ phạm vào khoản 3 Điều 138 tức là phạm tội rất nghiêm trọng và người đó sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự. Nhưng người phạm tội khai rằng nếu gặp tài sản có giá trị không lớn hoặc không chứng minh được người đó định lấy tài sản đó thì theo nguyên tắc suy đoán có lợi cho người phạm tội thì họ sẽ không phải chịu trách nhiệm hình sự nếu như họ mới chỉ chuẩn bị phạm tội. Cũng giống như vậy, đối với trường hợp cố ý gây thương tích, nếu người phạm tội không thừa nhận hành vi của mình là gây thương tích nặng (từ 61% trở lên) cho người bị hại và cũng không chứng minh được họ có mục đích gây thương tích rất nặng cho nạn nhân thì cũng phải loại trừ trách nhiệm hình sự cho họ nếu họ mới chuẩn bị phạm tội.

Bộ luật hình sự năm 1999 đã thu hẹp phạm vi trách nhiệm hình sự của người chuẩn bị phạm tội hơn so với Bộ luật hình sự năm 1985. Các hành vi chuẩn bị phạm các tội có mức cao nhất của khung hình phạt từ 5 năm đến 7 năm tù. Theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về cùng một tội danh, theo cùng một điều luật như trường hợp phạm tội hoàn thành nhưng không trong cùng một phạm vi chế tài quy định cho tội phạm hoàn thành đã được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1985. Chế tài được áp dụng để xác định trách nhiệm hình sự cho chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt tuy vẫn là



chế tài quy định cho tội phạm (ở giai đoạn hoàn thành) nhưng bị giới hạn thấp hơn về hình phạt nặng nhất hoặc về mức cao nhất của khung hình phạt nặng nhất mà vẫn giữ nguyên mức thấp nhất của khung hình phạt. Quy định này xuất phát từ cơ sở lý luận là chế tài quy định trong các điều luật trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự là chế tài giành cho các tội danh hoàn thành. Vì vậy, loại hình phạt nghiêm khắc như tù chung thân hoặc tử hình trong trường hợp được quy định trong điều luật về tội phạm cụ thể không thể áp dụng cho chuẩn bị phạm tội.

Bộ luật hình sự năm 1999 đã giành riêng một điều luật quy định cụ thể về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội. Cụ thể tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự quy định: *“Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là không quá hai mươi năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định”*. Để quyết định hình phạt chính xác trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, Tòa án không chỉ tuân thủ các quy định đặc thù riêng cho trường hợp chuẩn bị phạm tội (quy định tại Điều 17 và khoản 2 Điều 52) mà còn phải dựa trên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 1999. Ví dụ: Khung hình phạt áp dụng cho chuẩn bị phạm tội giết người theo quy định của khoản 2 Điều 93 và chuẩn bị phạm tội hiếp dâm trẻ em theo quy định của khoản 1 Điều 112 là 7 năm tù đến 7 năm 6 tháng tù. Vì thế, không thể gọi là khung hình phạt và quy định này đã buộc Tòa án phải xử các trường hợp chuẩn bị phạm tội của các tội này gần giống nhau về mức độ trách nhiệm hình sự cũng không thể hiện được việc cá thể hóa hình phạt.

Theo quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự quy định: *“Người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng thì phải*

*chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện*”. Nhưng nếu hành vi chuẩn bị phạm tội đã cấu thành tội phạm độc lập khác thì người có hành vi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội độc lập đó.

Ví dụ: A có thù với B nên A đã mua khẩu súng quân dụng (trái phép) về với mục đích là giết B. Sau khi mua được súng, A thực hiện hành vi của mình, nhưng chưa kịp tiến hành việc giết B thì A bị bắt. Trong trường hợp này, A đã phạm hai tội: tội giết người được quy định tại Điều 93 Bộ luật hình sự (ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội) và tội mua bán trái phép vũ khí quân dụng được quy định tại Điều 230 Bộ luật hình sự (Tội phạm hoàn thành). Chính vì vậy, hành vi của A không chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội mà còn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép vũ khí quân dụng.

Chính vì vậy, khi quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội thì luật hình sự phải quy định cho hành vi này các khung hình phạt khác nhau về mức độ nguy hiểm của hành vi đó.

#### **2.2.4. Quyết định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội**

Việc quy định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 1999 là căn cứ để quyết định hình phạt bảo đảm phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hình phạt.

Chuẩn bị phạm tội là một trong các giai đoạn thực hiện tội phạm. So với phạm tội chưa đạt và phạm tội hoàn thành thì chuẩn bị phạm tội có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn. Do vậy, hình phạt áp dụng đối với chuẩn bị phạm tội cũng thấp hơn. Vì vậy, việc ghi nhận chuẩn bị phạm tội trong luật là căn cứ pháp lý để phân hóa trách nhiệm hình sự giữa các mức độ thực hiện tội phạm.

Đối với chuẩn bị phạm tội, chủ thể đã bắt đầu thực hiện hành vi phạm tội được quy định trong cấu thành tội phạm tương ứng của Phần các tội phạm Bộ luật hình sự. Mặc dù, chủ thể chưa thực hiện hoặc không thực hiện hành vi đến cùng, có nghĩa là hành vi của người này chưa thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm là do nguyên nhân khách quan, ngoài ý muốn chủ quan của người phạm tội nhưng hành vi đã xâm phạm đến các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ, đã trực tiếp đe dọa gây ra (hoặc đã gây ra) những hậu quả nguy hiểm cho xã hội.

Quyết định hình phạt là sự lựa chọn loại hình phạt và xác định mức hình phạt cụ thể trong phạm vi luật định để áp dụng đối với người phạm tội cụ thể. Các căn cứ quyết định hình phạt, theo luật – bao gồm – các quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, quyết định hình phạt chỉ đặt ra đối với các trường hợp người phạm tội không được miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt, có thể hiểu là đối với các trường hợp thực sự cần thiết phải áp dụng hình phạt cụ thể nhằm giáo dục, răn đe, phòng chống tội phạm xảy ra. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội là quyết định hình phạt trong trường hợp giảm nhẹ. Vì so với tội phạm hoàn thành, chuẩn bị phạm tội có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn nên mức độ trách nhiệm hình sự cũng thấp hơn. Khi quyết định hình phạt đối với chế định chuẩn bị phạm tội, ngoài các quy định chung, Tòa án còn phải căn cứ đến các quy định đặc thù riêng cho trường hợp chuẩn bị phạm tội.

Theo Khoản 3 Điều 15 Bộ luật hình sự năm 1985 có quy định: “*Đối với hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt, hình phạt được quyết*

*định theo các điều luật của Bộ luật này về các tội phạm tương ứng, tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và các tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng”.*

Bộ luật hình sự năm 1985 chỉ nêu ra các căn cứ quyết định hình phạt mà chưa quy định giới hạn giảm nhẹ hình sự áp dụng cho người chuẩn bị phạm tội. Mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi chuẩn bị phạm tội thấp hơn nhiều so với phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành. Vì thế, Bộ luật hình sự năm 1985 không có điều luật riêng quy định mức hình phạt cho trường hợp chuẩn bị phạm tội mà chỉ có khung hình phạt chung áp dụng cho chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành.

Chúng ta có thể thấy rõ sự tiến bộ của Bộ luật hình sự năm 1999, căn cứ để quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội được quy định cụ thể tại Điều 52. Tại Khoản 2 Điều 52 có quy định: *“Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là không quá hai mươi năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định”.* Điều này đã chứng tỏ để quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội chính xác công bằng đòi hỏi phải dựa trên những quy định chung về căn cứ quyết định hình phạt cho mọi trường hợp phạm tội mà còn phải dựa vào những quy định bổ sung cho trường hợp chuẩn bị phạm tội.

Theo Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 1999, các căn cứ quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội: *“Các điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm tương ứng; Tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi chuẩn bị phạm tội; Mức độ thực hiện ý định phạm tội; Những tình tiết tội phạm không thực hiện được đến cùng”.* Cụ thể là:

**Một là**, các điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm tương ứng. Khi quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội Tòa án phải tuân thủ các quy định về tội phạm và hình phạt trong phần chung của Bộ luật hình sự. Tuân thủ các quy định chung đó đảm bảo thực hiện đúng mục đích của hình phạt, áp dụng hình phạt đối với người phạm tội không chỉ nhằm mục đích trừng trị mà còn giáo dục, răn đe, cải tạo họ sống có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật. Khi quyết định hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội Tòa án phải căn cứ vào điều luật cụ thể ở phần các tội phạm quy định cho tội phạm tương ứng, Điều 17 và Điều 52 Bộ luật hình sự. Để quyết định hình phạt được chính xác đúng người đúng tội, Tòa án tiếp tục phải dựa vào các căn cứ quyết định hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội còn lại.

**Hai là**, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi ở đây là tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi chuẩn bị phạm tội đã thực hiện. Vì vậy, để Tòa án có căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội để tuyên hình phạt tương xứng với tội danh đã thực hiện. Theo từ điển Tiếng Việt “*tính chất được hiểu là đặc điểm riêng của sự vật, hiện tượng làm phân biệt nó với sự vật, hiện tượng khác*” (40, tr. 999), còn mức độ được hiểu là “*mức trên một thang độ...*”(40, tr. 652). Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Tòa án gặp rất nhiều khó khăn trong việc đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi đã thực hiện. Bộ luật hình sự không quy định rõ khái niệm tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Có thể hiểu, tính chất nguy hiểm cho xã hội là khái niệm để so sánh giữa các trường hợp phạm tội đã thực hiện thuộc các khung khác nhau của cùng một loại tội phạm hay giữa các tội khác nhau trong cùng nhóm tội hay giữa nhóm tội khác nhau trong Bộ luật hình sự. Mức độ nguy hiểm cho

xã hội là chuẩn để đánh giá, so sánh tính nguy hiểm cho xã hội giữa các trường hợp phạm tội cụ thể đã thực hiện thuộc cùng khung hình phạt của từng loại tội phạm [19, tr. 73-74].

Để đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi chuẩn bị phạm tội được chính xác, đúng người đúng tội, Tòa án phải dựa vào các tính tiết có liên quan trong vụ án mà chủ yếu là các tình tiết sau:

Hành vi chuẩn bị phạm tội được thực hiện dưới hình thức đồng phạm, một người phạm tội hay phạm tội có tổ chức.

Phương tiện, công cụ phạm tội là những vật dụng được chủ thể sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội của mình.

Phương pháp, thủ đoạn phạm tội là cách thức thực hiện hành vi phạm tội bao gồm cả cách thức sử dụng công cụ, phương tiện. Việc xác định công cụ, phương pháp, thủ đoạn phạm tội là cần thiết để xem mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi chuẩn bị phạm tội.

- Hành vi xử sự của người phạm tội trước khi xảy ra tội phạm

- Mức độ lỗi

Các đặc điểm nhân thân của người phạm tội có ảnh hưởng lớn đến mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Tình chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm là tiêu chí khách quan về lượng, phản ánh thuộc tính vật chất và cơ bản nhất của hành vi phạm tội cụ thể và thể hiện trong khả năng gây nên thiệt hại cho các quan hệ xã hội và các lợi ích của con người, của xã hội và của Nhà nước – được pháp luật bảo vệ bằng pháp luật hình sự [8, tr. 320]. Tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm còn phụ thuộc vào các dấu hiệu khác về mặt khách quan của tội phạm, về mặt chủ quan của tội phạm và về chủ thể của tội phạm. Vì vậy, tính chất nguy hiểm cho xã hội là thuộc tính khách quan của loại tội

phạm nhất định được xác định bởi tổng thể các dấu hiệu thuộc cấu thành tội phạm. Tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi chuẩn bị phạm tội được xác định bởi khách thể xâm hại hoặc bị xâm hại. Theo GS. TSKH. Lê Văn Cẩm (Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội) đã viết: “*Mức độ nguy hiểm cho xã hội được hiểu là sự thể hiện về lượng và đại lượng để so sánh tính nguy hiểm cho xã hội của các tội phạm cụ thể cùng khách thể loại, thông thường nó xác định bằng thiệt hại do chính mỗi tội phạm tương ứng được thực hiện gây nên hoặc có thể gây nên...*” [8, tr. 300]. Mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm là tiêu chí khách quan về số, có tính chất bổ sung để phân biệt rõ hơn từng loại tội phạm, đồng thời là sự biểu hiện cụ thể ở chỗ - Hậu quả của sự gây nguy hại cho xã hội của tội phạm đến chừng mực nào cho các khách thể được bảo vệ bằng pháp luật hình sự.

Tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi chuẩn bị phạm tội là một trong những căn cứ quan trọng trong việc quyết định hình phạt. Có nhiều loại tình tiết, dấu hiệu ảnh hưởng đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi chuẩn bị phạm tội đã thực hiện nên Tòa án cần cân nhắc tổng thể các tình tiết, các dấu hiệu đó mới có căn cứ để quyết định một hình phạt phù hợp.

**Ba là**, mức độ thực hiện ý định phạm tội. Mức độ thực hiện ý định phạm tội là kết quả của người phạm tội đã đạt được so với mục đích đặt ra. Để xác định đúng mức độ thực hiện ý định phạm tội cần làm rõ những vấn đề sau: Tội phạm dừng lại ở thời điểm nào mới bắt đầu chuẩn bị hay đã chuẩn bị xong công cụ, phương tiện phạm tội? Người phạm tội có lập kế hoạch phạm tội từ trước hay như thế nào? Ý định của người phạm tội thế nào? Người phạm tội đã thực hiện ý định đó như thế nào?

Nếu xác định được tội phạm thực hiện được ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội thì làm rõ chuẩn bị đến mức nào? Mới chuẩn bị hay đã chuẩn bị

xong? Nếu hành vi chuẩn bị phạm tội là hành vi chuẩn bị công cụ, phương tiện nhiều hay ít, hành vi chuẩn bị đó có nguy hiểm không? Vì vậy, khi quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, Tòa án phải xem xét mức độ chuẩn bị phạm tội để có được bản án chính xác, công bằng.

**Bốn** là những tình tiết khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng. Những tình tiết Tòa án cân nhắc để quyết định hình phạt được chính xác, công bằng cho người chuẩn bị phạm tội; Tòa án không chỉ dựa vào 3 căn cứ nói trên mà phải dựa vào căn cứ quan trọng là những tình tiết khách quan xảy ra ngoài ý muốn của người phạm tội còn người phạm tội vẫn muốn thực hiện tội phạm đến cùng. Những tình tiết ấy không phụ thuộc vào người phạm tội vì phát sinh bên ngoài ý chí của họ nhưng việc xác định, phân tích, chứng minh để làm cơ sở cho việc phát hiện làm rõ hành vi phạm tội được chuẩn bị, lập kế hoạch đến mức độ nào. Những tình tiết khiến cho tội phạm thực hiện đến cùng có thể là căn cứ để minh chứng cho tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi chuẩn bị phạm tội. Vì vậy, phải cân nhắc khi quyết định hình phạt. Bộ luật hình sự không quy định rõ “*những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng*” là những tình tiết nào, có ảnh hưởng thế nào đối với việc quyết định hình phạt. Tòa án khi xét xử có quyền cân nhắc, đánh giá các tình tiết nhưng phải tuân thủ theo pháp luật. Cuối cùng, Tòa án có thể ra được một bản án có loại và mức hình phạt đúng pháp luật, để trừng trị, răn đe và giáo dục người phạm tội.

Trong lý luận và thực tiễn những tình tiết khách quan khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng có thể là:

Kế hoạch phạm tội đã dự định không phù hợp với khả năng thực tế và hiểu biết của người phạm tội.

Nạn nhân hoặc người bị hại đã tránh được nên tội phạm, hậu quả của



tội phạm không xảy ra. Ví dụ: B đã lẩn trốn khi biết A cần dao tìm mình. Trong trường hợp này tội phạm đã dừng lại ở giai đoạn chuẩn bị là do B đã biết được ý định của A nên lẩn trốn được.

Người khác đã ngăn chặn được nên tội phạm không xảy ra. Ví dụ: A cầm dao đi tìm B để chém.. B đã lẩn trốn và báo cho cơ quan Công an để biết, Ngay lập tức A đã bị bắt giữ. Ở đây tội phạm dừng lại ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội là do B biết được ý định của A. Đặc biệt do chính quyền địa phương đã ngăn chặn được không để xảy ra hậu quả nghiêm trọng.

Những trường hợp trên đã nói lên một điều là tính chất của các tình tiết cản trở khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng là hoàn toàn khác nhau. Chính vì vậy, khi quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, Tòa án cần lưu ý có những tình tiết này để phân biệt với trường hợp phạm tội thực hiện được đến cùng là do những nguyên nhân chủ quan và để có bản án chính xác. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần phải kết hợp với quy định ở Khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự để có mức hình phạt hợp lý, tương ứng với hành vi mà người phạm tội đã thực hiện.

Theo Điều 52 Bộ luật hình sự thì hình phạt áp dụng cho trường hợp chuẩn bị phạm tội thấp nhất so với phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành. Trong điều luật này, đã quy định mức hình phạt tối đa cho hành vi chuẩn bị phạm tội, đây là điểm mới so với Bộ luật hình sự năm 1985. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự có quy định: *“Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là không quá hai mươi năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định”*. Quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì Tòa án chỉ áp dụng hình phạt này trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Nhưng chưa

có văn bản nào hướng dẫn đâu là hành vi chuẩn bị phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, điều này chưa chỉ rõ ra được. Và điều thứ hai quy định tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định. Quy định này cho phép Tòa án quyết định hình phạt dễ hơn, đã có sự phân biệt và phân hóa trách nhiệm hình sự đối với từng trường hợp phạm tội trong luật hình sự Việt Nam. Hình phạt cao nhất của hành vi chuẩn bị phạm tội là tù chung thân hoặc tử hình, vừa có hình phạt tù có thời hạn thì cần kết hợp hai trường hợp trên khi quyết định hình phạt. Việc quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm tội là cần thiết. Vì về khách quan, hành vi chuẩn bị phạm tội là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, đe dọa, gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Luật hình sự không quy định trường hợp điều luật áp dụng có hình phạt cao nhất là cải tạo không giam giữ đối với người có hành vi chuẩn bị phạm tội vì trong Bộ luật hình sự Việt Nam không có điều luật nào quy định về tội phạm chỉ có hình phạt cải tạo không giam giữ và cũng tương tự đối với các loại tội phạm khác. Nhưng, đó chỉ là quy định mức hình phạt cao nhất mà người có hành vi chuẩn bị phạm tội.

*Năm là*, việc quy định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 1999 đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vấn đề là ở chỗ, Luật hình sự Việt Nam không chỉ mang tính trừng phạt mà còn mang tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm. Việc quy định khái niệm chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 1999 và người thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm trong trường hợp chuẩn bị phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng để có căn cứ pháp lý quan trọng góp phần làm cho công tác điều tra, truy tố, xét xử người có hành vi chuẩn bị phạm tội được đúng đắn, chính xác.

Theo quy định tại Điều 52, Bộ luật hình sự năm 1999 quy định, khi

quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, ngoài việc tuân thủ các căn cứ quyết định hình phạt theo Khoản 1 Điều 52, Tòa án còn phải tuân thủ quy định về giới hạn giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại Khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự. Theo Khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự quy định: *“Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là không quá hai mươi năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định”*. Nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 20 năm tù. Ví dụ: Chị Nguyễn Thị K phạm tội giết người theo Khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Trường hợp này, hình phạt mà Tòa án có thể áp dụng đối với chị K là không quá 20 năm tù (vì cao nhất của khoản 1 Điều 93 là tử hình). Nếu tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định. Ví dụ: Ông Lê Văn T có mâu thuẫn với ông Tạ H, ông T có ý định đổ thuốc sâu xuống hồ nuôi cá của gia đình ông H để trả thù. Theo ông H ước tính vụ thu hoạch cá của ông ước tính khoảng 300.000.000 đồng. Ông T đã tìm mua bốn chai thuốc trừ sâu, chưa kịp đổ xuống hồ thì bị phát hiện. Ông Lê Văn T bị kết án về tội hủy hoại tài sản theo Khoản 3 Điều 143 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ bảy năm tù đến mười năm năm tù, nhưng vì ông Lê Văn T phạm tội ở giai đoạn chuẩn bị nên Tòa án đã áp dụng Khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự nên Ông T bị phạt bảy năm tù.

Theo Khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 1999 thì hình phạt áp dụng cho trường hợp chuẩn bị phạm tội thấp hơn so với phạm tội chưa đạt và phạm tội hoàn thành. Quy định về giới hạn giảm nhẹ hình phạt áp dụng

cho trường hợp chuẩn bị phạm tội thể hiện nguyên tắc cá thể hóa hình phạt. Đây là cơ sở để phân hóa trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành, để Tòa án có căn cứ để quyết định hình phạt cụ thể cho người chuẩn bị phạm tội được chính xác, công bằng.

Việc phân tích nội dung của chế định chuẩn bị phạm tội được ghi nhận tại Điều 17 và Điều 52 Bộ luật hình sự năm 1999 của nước ta cho phép kết luận rằng, chế định chuẩn bị phạm tội trong luật hình sự Việt Nam ngày càng được hoàn thiện cả về nội dung lẫn cả về kỹ thuật lập pháp hình sự, ngày càng thể hiện nhiều hơn các đòi hỏi của các nguyên tắc của luật hình sự. Đặc biệt là của các nguyên tắc công bằng, bình đẳng, nhân đạo, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta hiện nay.

### *Chương 3*

## **THỰC TIỄN ÁP DỤNG CHẾ ĐỊNH CHUẨN BỊ PHẠM TỘI VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN**

### **3.1. THỰC TIỄN ÁP DỤNG CHẾ ĐỊNH CHUẨN BỊ PHẠM TỘI TRONG ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM HIỆN NAY**

#### **3.1.1. Thực tiễn áp dụng chế định chuẩn bị phạm tội**

So với lĩnh vực xây dựng pháp luật hình sự thì lĩnh vực áp dụng pháp luật hình sự mang tính phong phú, đa dạng hơn nhiều. Việc áp dụng các quy định của chế định chuẩn bị phạm tội cũng không phải là vấn đề ngoại lệ. Mặc dù nguồn áp dụng pháp luật hình sự không được có chính sách hình sự nào khác so với chính sách hình sự đã được ghi nhận trong các quy định của pháp luật hình sự, song do tính phong phú, đa dạng của các trường hợp chuẩn bị phạm tội nên việc áp dụng chính xác pháp luật hình sự có chính xác hay không còn tùy thuộc vào khả năng, trình độ, kinh nghiệm, ý thức xã hội cũng như ý thức pháp luật của người áp dụng pháp luật hình sự. Do vậy, có thể có sự đánh giá không giống nhau về tính chất pháp lý của những tình huống diễn ra trong cuộc sống.

Chẳng hạn: Nguyễn Văn N là một quân nhân, thường ngày N rất hiền lành và chấp hành nghiêm nội quy và quy định của đơn vị. Do một lần uống rượu say, bị anh H (thủ trưởng của anh N) la mắng và có đánh anh N mấy cái bạt tai. Do uống rượu không kiềm chế được, N bực tức về doanh trại tìm lấy một khẩu súng AK để giết anh H. Khi nghe tin N lấy súng, anh H đã lần trốn. Anh em trong đơn vị can ngăn nhưng N không nghe và đã nổ súng gây thương tích cho anh T. Ngay sau đó N bị tạm giam.

Về hành vi dùng súng của N để giết anh H, Viện Kiểm sát Quân sự B cho rằng: N đã có hành vi tìm kiếm H để giết, nhưng do điều kiện ngoài ý muốn là H đã trốn được nên N không thể tìm được. Chúng ta đặt giả thiết,

nếu như H không lẩn trốn thì N đã tìm gặp được H và nổ súng giết chết H chứ không phải N đang trong giai đoạn tìm kiếm, sửa soạn công cụ để chuẩn bị giết H. Vì vậy, Viện Kiểm sát Quân sự B truy tố N về tội giết người ở giai đoạn phạm tội chưa đạt.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, cũng như các quy định của pháp luật, Tòa án quân sự B, lại quyết định xét xử N về tội giết người ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội.

Quan điểm của Viện kiểm sát quân sự B cho rằng: N đã có hành vi tìm kiếm H để giết nhưng do điều kiện ngoài ý muốn là H trốn nên N không thể tìm được. Nếu như H không trốn thì N đã tìm gặp và nổ súng giết H, chứ không phải N đang trong giai đoạn tìm kiếm, sửa soạn công cụ để chuẩn bị giết H. Vì vậy, phải truy tố N về tội giết người ở giai đoạn phạm tội chưa đạt mới đúng theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, sau khi nghiên cứu hồ sơ, Tòa án quân sự B lại lập luận rằng:

Theo Điều 17 Bộ luật hình sự hiện hành có quy định: “*Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm*”. Như vậy, một người được xem là chuẩn bị thực hiện một tội phạm nào đó khi họ có một trong những hành vi sau:

- Đi tìm kiếm đối tượng để phạm tội
- Sửa soạn công cụ để thực hiện tội phạm
- Chuẩn bị các phương tiện để thực hiện tội phạm
- Tạo ra các điều kiện cần thiết khác

Khi thực hiện một trong các hành vi trên đối với tội rất nghiêm trọng

hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì người thực hiện tội phạm phải bị xét xử về tội mình định thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Đối chiếu với tình huống trên, chúng ta đã thấy N đã có hành vi chuẩn bị súng AK đang đi tìm H để giết thì bị T can ngăn và đã không thực hiện tội phạm được đến cùng là giết đã ngoài ý muốn của người phạm tội”. Và theo quy định tại điểm a Mục 2 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 4 tháng 8 năm 2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, một người được xem là phạm tội chưa đạt là trường hợp đã bắt đầu cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Một người được xem là phạm tội chưa đạt khi họ đã bắt đầu thực hiện tội phạm nhưng vì một nguyên nhân nào đó ngoài ý muốn nên họ không thực hiện được đến cùng như đang lấy tài sản thì bị phát hiện, dùng dao đâm người khác thì bị phát hiện. Đối chiếu các hành vi của N với quy định nêu trên thì thấy rõ không thể xử N về tội giết người ở giai đoạn phạm tội chưa đạt. Vì trong vụ án này N chưa bắt đầu cố ý thực hiện việc giết H vì N còn trong giai đoạn tìm kiếm H và đã bị can ngăn. Chính vì vậy, Tòa án quân sự B quyết định xét xử N về tội giết người ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Với những lập luận của Tòa án quân sự B, chúng tôi đồng tình với quan điểm của Tòa án quân sự B, chỉ có thể xét xử N về tội giết người ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội.

Về vấn đề này, tại Tạp chí Tòa án nhân dân tháng 2 năm 2007 số 4, tác giả Trần Vinh Hiến lập luận:

Theo quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự năm 1999 thì “*chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm*”. Theo tinh thần của điều luật, thì nội hàm của khái niệm chuẩn bị phạm tội bao gồm những trường

hợp sau:

- Tìm kiếm, sửa soạn công cụ phạm tội
- Tìm kiếm, sửa soạn phương tiện phạm tội
- Tạo ra những điều kiện khác để phạm tội (các điều kiện khác có thể là chủ động hẹn người yêu, sau đó giết để trả thù; bố trí người rửa bảo vệ đi uống nước để trộm cắp tài sản...)

Với việc phân tích như trên thì việc N đi tìm H để thực hiện hành vi phạm tội không thuộc một trong các trường hợp chuẩn bị phạm tội. Trong trường hợp này tác giả đã đồng nhất việc tìm kiếm công cụ, phương tiện với việc tìm kiếm đối tượng phạm tội là không đúng với tinh thần của Điều 17 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này, có thể thấy hành vi của N có thể chia làm hai giai đoạn:

\* *Giai đoạn đầu:* Khi N chạy về đơn vị lấy khẩu súng AK với mục đích là đi tìm H để giết, giai đoạn này thể hiện hành vi của N là sửa soạn công cụ phạm tội (lấy khẩu súng AK) – thỏa mãn dấu hiệu của giai đoạn chuẩn bị phạm tội, theo quy định của Điều 17 Bộ luật hình sự.

\* *Giai đoạn thứ hai:* Khi N đã lấy được khẩu súng và bắt tay vào việc thực hiện hành vi phạm tội giết người, N đã đi tìm H nhưng không tìm thấy H vì H đã bỏ trốn. Việc không tìm thấy H nằm ngoài chủ quan của N. Theo Quy định tại Điều 18 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về phạm tội chưa đạt thì hành vi của N ở giai đoạn này thỏa mãn các dấu hiệu của phạm tội chưa đạt như sau:

- Cố ý thực hiện tội phạm (N cầm súng AK đi tìm giết H)
- Không thực hiện được đến cùng vì nguyên nhân ngoài ý muốn của



N (N không giết được H vì N tìm không thấy H).

Vì vậy, việc xác định phạm tội chưa đạt như quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát Quân sự B là có cơ sở và hợp với quy định tại Điều 18 Bộ luật hình sự năm 1999.

Qua nghiên cứu vụ án trên, chúng ta có thể thấy rõ mặc dù pháp luật đã quy định cụ thể về việc áp dụng Điều 17. Điều 18 Bộ luật hình sự những vẫn có những quan điểm khác nhau về tội N. Trong vụ án này, hành vi về doanh trại lấy súng AK để giết H của N là hành vi chuẩn bị phạm tội. Mục đích của N là giết H nên N mới lấy súng AK, nhưng bị can ngăn nên N không thể thực hiện được hành vi giết H đến cùng. Trong trường hợp này, Tòa án quân sự B xét xử N về tội giết người ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội là hoàn toàn chính xác. Vì vậy, chúng ta có thể thấy rõ việc nhận thức và áp dụng giai đoạn chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt chưa đúng.

Thực tiễn tố tụng hình sự ở nước ta trong thời gian qua còn cho thấy có sự khác nhau trong đánh giá “*mức độ thực hiện ý định phạm tội*” của hành vi chuẩn bị phạm tội.

Chẳng hạn: Nguyễn Văn Ch (tỉnh Hưng Yên) vì muốn có tiền tiêu xài nên đã nảy sinh ý định cướp tài sản. Ch đã thêm Lê Văn D và Phạm Ngọc A cùng tham gia. Chúng để ý thấy một cô gái hay đi chiếc xe máy Attila vào lúc buổi chiều. Để thực hiện hành vi phạm tội, chúng đã mua một con dao, chuẩn bị hai chiếc xe máy, một xe do Ch điều khiển sẽ chặn trước xe cô gái, một xe do D điều khiển để A ngồi sau đưa dao dọa cô gái. Chúng đã bàn bạc về thời gian và địa điểm để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Hai ngày trước khi gây án, em trai Ch là Nguyễn Hữu Tr đã đưa người yêu là L về ra mắt giới thiệu với gia đình. Và điều Ch không ngờ tới lại chính là cô gái mà anh và đồng bọn đang lên kế hoạch cướp tài sản. Ch đã từ bỏ ý định phạm tội và nói với D và A không thực hiện việc cướp tài

sản, D và A cũng từ bỏ ý định của mình. Nhưng sau đó Cơ quan Điều tra đã phát hiện ra Ch, D, A đã có hành vi như vậy. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã tuyên Ch được miễn trách nhiệm hình sự vì đã tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. Tuy vậy, theo chúng tôi, quyết định trên là không chính xác. Hành vi của Ch, D và A đã cấu thành “Tội cướp tài sản” ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Bởi vì cả ba đã chuẩn bị công cụ (dao) và phương tiện (xe) để thực hiện tội phạm của mình. Nguyên nhân khiến cả ba không thực hiện tội phạm là do Ch phát hiện L là người yêu của em trai mình. Nếu Tr không đưa người yêu về giới thiệu với gia đình thì Ch, D và A vẫn thực hiện tội phạm là cướp tài sản của L. Không thực hiện tội phạm trong chuẩn bị phạm tội là do những nguyên nhân ngoài ý muốn khách quan của người phạm tội còn trong tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội thì nó phải xuất phát từ sự tự nguyện dứt và vĩnh viễn. Nói một cách khác “nếu người này muốn thực hiện tiếp tội phạm thì họ hoàn toàn có khả năng thực hiện được vì điều kiện khách quan không có gì cản trở cũng như việc thực hiện trong khả năng và tầm tay của họ [37, tr. 15].

Vụ án hình sự dưới đây cũng là minh chứng rõ ràng cho sự đánh giá không thống nhất đối với hành vi chuẩn bị phạm tội: Vương Đình Tr (tỉnh Quảng Ninh) vì muốn có tiền để mua ma túy nên đã bóp cổ chị D rồi trói chị D, Tr nảy sinh ý định muốn giao cầu với chị D nên Tr đã xé quần áo chị D. Trước khi giao cầu, Tr đã hỏi chị D: “Chị có mắc bệnh gì không?”. Chị D trả lời: “Có”. Khi nghe chị D nói vậy, Tr sợ nên không giao cầu với chị D nữa [32]. Về vụ án này có hai quan điểm:

*Quan điểm thứ nhất* của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh cho rằng hành vi của Tr là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội hiếp dâm.

*Quan điểm thứ hai* lại cho rằng: Hành vi của Tr không được coi là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội vì chẳng qua chị D nói là có bị bệnh

nên Tr mới không giao cầu với chị D chứ không phải tự nguyện thôi không giao cầu nữa.

Việc Tr không thực hiện đến cùng hành vi của mình là giao cầu với chị có chị D trả lời là có bị bệnh, mặc dù khi thực hiện tội phạm Tr vẫn có khả năng tiếp tục thực hiện tội phạm được đến cùng. Việc sợ lây bệnh không coi là yếu tố gây cản trở Tr phạm tội được vì trên thực tế Tr vẫn hoàn toàn có thể thực hiện được tội phạm đến cùng. Vì vậy, trường hợp này cũng tương tự trường hợp sợ bị pháp luật trừng trị, sợ trả thù đã được hướng dẫn trong Nghị quyết 02/HĐTP ngày 5 tháng 1 năm 1988 và Nghị quyết 01/HĐTP ngày 19 tháng 4 năm 1989 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh là chính xác và đúng pháp luật.

Việc xác định “*thời điểm chấm dứt việc phạm tội*” trong điều kiện tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. Thời điểm được coi là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội phải dừng lại ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành. Với trường hợp phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành, nếu một người đã thực hiện được tất cả những hành vi mà người đó cho là cần thiết để thực hiện tội phạm nhưng hậu quả chưa xảy ra là do nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của người phạm tội. Điều này cũng được khẳng định trong Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 5 tháng 1 năm 1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, việc áp dụng trong thực tiễn còn chưa thống nhất và nhận thức không cao.

Chẳng hạn, theo Bản án phúc thẩm số 1111/2006/HSPT ngày 23/10/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thì ngày 17 tháng 2 năm 2006, cháu H sinh năm 1991 đến nhà Cháu Sinh Q chơi ở xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ. Q đưa cho H 10.000 đồng và sai H đi mua rượu. Q rót rượu

và đưa cho H uống và đến bát thứ ba thì H bị say và lên giường ngủ. Sau khi uống rượu Q cũng lên giường ngủ và khoảng 23h cùng ngày Q dậy cởi quần áo và nằm nghiêng ở phía sau cho dương vật chọc vào âm hộ của H một lúc nhưng không vào được. Quá trình giao cấu cháu H vẫn bất tỉnh, do sợ cháu H bị say rượu nếu làm cố sẽ gây nguy hiểm nên Q thôi không giao cấu nữa và lên giường kê đó nằm ngủ. Đến khoảng 0h40 phút chị X (Vợ Q) báo cho chính quyền và láng giềng đến lập biên bản về hành vi của Q. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh miễn trách nhiệm hình sự cho Q về tội hiếp dâm trẻ em với lý do tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội [33]. Chúng tôi cho rằng, việc Tòa án tỉnh Quảng Ninh coi hành vi của Q là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội vì hành vi của Q ở giai đoạn phạm tội chưa đạt chưa thành, mặc dù không có gì ngăn cản nhưng Q không thực hiện hành vi phạm tội đến cùng, đồng thời hành vi của Q chưa cấu thành một tội phạm nên Q được miễn trách nhiệm hình sự là chưa chính xác. Bởi vì, việc Q dừng hành vi phạm tội đúng là không có gì ngăn cản nhưng ở đây tội phạm đã ở giai đoạn phạm tội chưa đạt đã chưa hoàn thành và việc không giao cấu với cháu H nữa chỉ có tác dụng làm hạn chế nguy hiểm cho xã hội. Chính vì vậy, bản án hình sự sơ thẩm này đã bị hủy bỏ để xét xử lại [34].

Thêm một vụ án hình sự minh chứng cho sự đánh giá khác nhau về tính chất pháp lý của tình huống liên quan đến chế định chuẩn bị phạm tội. Trần Thị T (tỉnh Hà Tây) do bức tức với Nguyễn Văn M nên đã lợi dụng lúc nhà M về quê ăn giỗ chỉ còn Nguyễn Thị L (18 tuổi) là con gái M ở nhà. T đã sang và bỏ thuốc độc vào bình nước uống của nhà M. Sau khi đổ xong, T nghĩ lại nhưng không muốn cho ai biết nên đã dán tờ giấy lên thành bình nước với nội dung “nước có độc không được uống”. Nhờ tờ giấy này mà không ai trong nhà M bị làm sao. Về sau, Cơ quan điều tra phát hiện ra T. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tây cũ đã tuyên T được miễn trách

nhiệm hình sự vì đã tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. Nhưng Quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tây cũ cũng không chính xác vì mặc dù T đã tự nguyện từ bỏ ý định phạm tội nhưng ở đây tội phạm đã ở giai đoạn phạm tội chưa đạt đã hoàn thành. T đã thực hiện tất cả những hành vi mà cho là cần thiết để thực hiện tội phạm, còn hành vi dán tờ giấy lên thành bình nước chỉ được coi là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tự nguyện khắc phục hậu quả mà thôi. Về vấn đề này, nhiều tác giả có quan điểm:

*Ở giai đoạn phạm tội chưa đạt đã thành người phạm tội đã thực hiện được hết những hành vi mà họ cho cần thiết để gây hậu quả nhằm đạt được ý định phạm tội, người phạm tội nhận thức thấy rằng sẽ đạt được ý định phạm tội mà không cần thực hiện thêm hành vi nào nữa, vì vậy thực tế không thể có cơ hội từ bỏ ý định phạm tội [29, tr. 172].*

Việc đánh giá để xác định “hậu quả của tội phạm” trong điều kiện chuẩn bị phạm tội đôi khi cũng không chính xác. Chẳng hạn, Nguyễn Thành N (tỉnh Hà Giang) vì tranh chấp với Đoàn Văn H về mảnh đất. Qua nhiều lần xích mích, đánh nhau, N đã có ý định giết H, y đã mua 1,5kg thuốc nổ cất giấu. Tình cờ, vợ N là Lại Thị L phát hiện ra hỏi chồng về chỗ thuốc nổ này để làm gì. N trả lời: “để giết thằng H”. L đã khuyên ngăn chồng không được phạm tội nhưng N không nghe còn dọa: “mày mà không im là tao giết luôn cả mày”. Lợi dụng N không có nhà, L đã mang chỗ thuốc nổ bỏ đi nhưng do không cẩn thận, số thuốc nổ đó đã nổ, L chết ngay tại chỗ. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã tuyên N phạm tội “tàng trữ và mua bán trái phép vật liệu nổ” với tình tiết tăng nặng “gây hậu quả nghiêm trọng” (Khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 1999) mà không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với “tội giết người” (Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999) ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội của N khi muốn giết anh

H. Quyết định này của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang là không đúng. Bởi vì, hành vi phạm tội của N gồm hai tội: tội ở Điều 232 Bộ luật hình sự ở giai đoạn tội phạm hoàn thành, tội ở Điều 93 Bộ luật hình sự ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Trong chuẩn bị phạm tội, hậu quả của tội phạm chưa xảy ra, do chưa thực hiện hành vi phạm tội được quy định trong cấu thành tội phạm. Trường hợp bản thân hành vi chuẩn bị phạm tội đã cấu thành một tội phạm khác hoàn thành thì hậu quả của tội phạm mà người phạm tội đang chuẩn bị thực hiện [6, tr. 200]. Tội giết người ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội của N do N chưa thực hiện được hành vi “dùng thuốc nổ để giết anh H”, hậu quả anh H chưa chết mà hậu quả ở đây là chị L chết. Đây là “Tội tàng trữ và mua bán trái phép vật liệu nổ” (Điều 232 Bộ luật hình sự năm 1999).

Trong một số bản án khi quyết định hình phạt cho bị cáo trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, đòi hỏi Tòa án phải phân tích rõ trong bản án hành vi của bị cáo để xác định đúng tội danh. Trong các bản án, nếu hành vi phạm tội ở giai đoạn nào thì vận dụng điều khoản tương ứng của Điều 52 cho chính xác. Và trên cơ sở vận dụng điều luật chính xác thì việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội đủ căn cứ pháp lý.

Qua nghiên cứu, Bộ luật hình sự năm 1999 chúng ta có thể thấy rằng: Bộ luật hình sự đã có quy định giới hạn cụ thể về mức độ trách nhiệm hình sự đối với chuẩn bị phạm tội nhưng đường lối xử lý vẫn quá nghiêm khắc. Người chuẩn bị phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng phải chịu trách nhiệm hình sự và phải chịu mức hình phạt bằng một phần hai mức hoàn thành. Vì vậy, trường hợp chuẩn bị phạm tội có thể bị xử phạt đến 7 năm 6 tháng tù hoặc 20 năm tù. Với hành vi chỉ mới sửa soạn công cụ, phương tiện phạm tội hoặc chuẩn bị các điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm mà phải chịu trách nhiệm hình sự như vậy là quá

ngghiêm khắc.

### **3.1.2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân**

Theo Khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 1999 thì hình phạt áp dụng cho trường hợp chuẩn bị phạm tội thấp hơn so với tội phạm hoàn thành.

Theo Điều 52: Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt

*1. Đối với hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi phạm tội chưa đạt, hình phạt được quyết định theo các điều của Bộ luật này về các tội phạm tương ứng tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng.*

*2. Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là không quá hai mươi năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.*

*3. Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì chỉ có thể áp dụng các hình phạt này trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.*

Trong quá trình áp dụng Điều 52 Bộ luật hình sự hiện hành còn bộc lộ một số hạn chế:

Quy định mức phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp

dụng không quá hai mươi năm tù; nếu tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định. Nếu quy định “nếu tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định”. Theo cách viết như vậy thì chưa chặt chẽ, vì việc quyết định hình phạt trên thực tế sẽ khác nhau. Trong thực tiễn điều tra truy tố, xét xử chúng ta thấy rõ trường hợp chuẩn bị phạm tội rất ít.

Các loại tội áp dụng cho chuẩn bị phạm tội liên quan đến các tội phạm có cấu thành tội phạm vật chất với các tội như: Tội giết người (Điều 93 Bộ luật hình sự), Tội trộm cắp tài sản (Điều 138 Bộ luật hình sự), Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139 Bộ luật hình sự). Theo Khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự quy định chế tài áp dụng cho hành vi giết người theo Khoản 1 là phạt tù từ 12 đến 20 năm tù. Đối với hành vi chuẩn bị phạm tội này, áp dụng cùng khung hình phạt trên với mức thấp nhất 12 năm tù là quá nghiêm khắc vì so với tội phạm hoàn thành thì chuẩn bị phạm tội có mức độ nguy hiểm thấp cho xã hội. Vì vậy, điều 52 dùng thuật ngữ “*không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định*” nên không thể hiểu là không quá một phần hai mức tối đa được.

Theo Khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự quy định mức hình phạt “một phần hai mức phạt tù của điều luật” mà không quy định rõ khung hình phạt nào sẽ được áp dụng. Điều này quy định không rõ, vì điều luật quy định về tội phạm cụ thể bao giờ cũng có khung cơ bản, có thể có một hoặc nhiều khung tăng nặng hay giảm nhẹ. Vì vậy, mà điều luật không quy định rõ khung hình phạt nào sẽ được áp dụng? Khung cơ bản hay tăng nặng, khung giảm nhẹ khi các dấu hiệu của định khung thỏa mãn. Đây là điều luật mà Bộ luật hình sự hiện hành chưa làm rõ được điều này. Vì vậy, để xác định khung hình phạt cho trường hợp chuẩn bị phạm tội phải dựa vào các căn cứ sau:



Hành vi chuẩn bị phạm tội đã thực hiện có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội. Để biết được có nguy hiểm cho xã hội hay không, Tòa án phải căn cứ vào những tình tiết như: công cụ, phương tiện, thủ đoạn mà người phạm tội sử dụng. Nếu công cụ, phương tiện, thủ đoạn phạm tội nguy hiểm thì mức độ nguy hiểm cho xã hội càng cao thì hình phạt áp dụng cho trường hợp này phải nghiêm khắc hơn so với những trường hợp có mức độ nguy hiểm thấp.

Phải căn cứ xem hành vi chuẩn bị phạm tội được chuẩn bị như thế nào, mức độ chuẩn bị phạm tội ra sao, đã chuẩn bị kỹ lưỡng chưa hay đang ở giai đoạn sửa soạn. Vì vậy, mức độ càng cao thì hành vi thực hiện càng nguy hiểm và như vậy hình phạt phải nghiêm khắc hơn so với trường hợp có tình tiết tương đương và chỉ khác về mức độ chuẩn bị.

Nghiên cứu quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội của một số nước trên thế giới cho thấy:

Theo Điều 22 – Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định: *“Đối với những hành vi chuẩn bị phạm tội có thể quyết định như một hình phạt nhẹ hơn so với tội phạm đã hoàn thành hoặc quyết định hình phạt dưới mức tối thiểu hoặc miễn hình phạt”* [15, tr. 34].

Theo Điều 88, Chương III, Bộ luật hình sự Nhật Bản có quy định: *“người nào chuẩn bị hoặc bày mưu tính kế thực hiện một trong các tội phạm nói tại các Điều 81, 82 thì phạt tù có lao động bắt buộc từ 1 năm đến 5 năm tù”* [2].

Theo Điều 67 Bộ luật hình sự Cộng hòa liên bang Nga có quy định: *“thời hạn và mức hình phạt đối với việc chuẩn bị phạm tội không được vượt quá một phần hai thời hạn và mức hình phạt trong khung đối với tội phạm hoàn thành”* [1, tr. 67- 68].

Qua thực tiễn áp dụng trường hợp chuẩn bị phạm tội cho thấy có một số tồn tại:

Xác định thế nào là “*tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện để thực hiện tội phạm*”. Trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử cho thấy rất khó để buộc một người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự. Một trong những nguyên nhân chính của thực tế đó là do sự khó khăn trong chứng minh, xác định mặt chủ quan của tội phạm từ phía cơ quan tiến hành tố tụng. Trong khi đó để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm tội bắt buộc phải chứng minh mục đích của người phạm tội. Việc xuất hiện ý định phạm tội phụ thuộc vào sự tác động của các yếu tố khách quan vào một người làm họ nảy sinh ý định phạm tội. Nói cách khác, họ đã lựa cách thức thỏa mãn nhu cầu lợi ích của mình bằng việc thực hiện hành vi đi ngược lại lợi ích của xã hội. Nhưng để xác định tội danh của họ lại rất khó. Đây là một vấn đề hết sức khó khăn.

Chẳng hạn, Ông Nguyễn Văn A mài một con dao, chúng ta cũng không biết được mục đích của ông A là mài dao sắc làm gì; có thể ông mài con dao sắc để làm vườn hoặc một việc gì đó, cũng có khi mài con dao thật sắc để đi dọa mọi người cướp tài sản... Vì vậy, trong trường hợp này chứng minh ông Nguyễn Văn A phạm tội nào đó là hết sức khó khăn.

Theo quy định tại đoạn 1 Điều 17 Bộ luật hình sự năm 1999 thì: “*Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm*”. Như vậy, một người được xem là chuẩn bị thực hiện một tội phạm nào đó khi họ có một trong những hành vi sau đây:

- Sửa soạn công cụ để thực hiện tội phạm
- Chuẩn bị các phương tiện để thực hiện tội phạm

- Đi tìm đối tượng để phạm tội
- Tạo ra các điều kiện cần thiết khác

Chuẩn bị phạm tội nói chung và việc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội nói riêng là một trường hợp giảm nhẹ so với trường hợp phạm tội thông thường. Khi quyết định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, các nhà làm luật Việt Nam đã thể hiện rõ nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt cũng như nguyên tắc nhân đạo và công bằng trong luật hình sự của nước ta. Tuy nhiên vẫn còn một số vướng mắc:

- Các quy định liên quan đến hành vi chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 1999 đã hoàn thiện và đầy đủ hơn so với trước đây nhưng qua thực tiễn áp dụng cho thấy các quy định này vẫn cần tiếp tục hoàn thiện hơn nữa.

- Một số cán bộ trong Ngành Tư pháp do trình độ nhận thức về các quy định của pháp luật hình sự còn hạn chế và chưa đầy đủ. Việc vận dụng pháp luật trong mỗi vụ án hình sự cụ thể còn lúng túng, đánh giá tính chất và mức độ của hành vi nguy hiểm cho xã hội không đúng, sự nhận thức về các nội dung trong điều khoản, tình tiết để một người được coi là có hành vi chuẩn bị phạm tội.

- Một số trường hợp việc áp dụng không đúng là những nguyên nhân chủ quan do sự cố ý vi phạm các quy định liên quan đến chuẩn bị phạm tội trong luật hình sự, qua đó gây thiệt hại cho các lợi ích của Nhà nước, của xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân vì động cơ vụ lợi hay động cơ cá nhân khác gây ảnh hưởng đến công tác phòng và chống tội phạm.

- Một số cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử còn có phương pháp làm việc, trách nhiệm với công việc được phân công chưa cao nên

việc quản lý, xử lý giải quyết vụ án chưa thật sâu, thật kỹ. Sự kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới đối với việc áp dụng các quy định liên quan đến chuẩn bị phạm tội còn chưa đúng hoặc còn bỏ sót tội phạm và người phạm tội hoặc là áp dụng tràn lan.

Vì vậy, việc quy định về phạm vi những hành vi chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự như hiện nay là quá rộng và không có tính khả thi. Vì vậy, cần thiết phải nghiên cứu thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử đồng thời có tính đến yêu cầu đấu tranh và phòng ngừa tội phạm trong tình hình mới, chọn ra những tội mà hành vi chuẩn bị phạm tội đó thực sự nguy hiểm và xây dựng nó thành những cấu thành tội phạm độc lập với phạm vi chế tài riêng biệt hoặc thành một khoản riêng trong điều Luật quy định về tội phạm mà hành vi chuẩn bị phạm tội hướng tới.

## **3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH CHUẨN BỊ PHẠM TỘI TRONG BLHS HIỆN NAY**

### **3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự hiện hành.**

Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đóng góp một phần quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ được lợi ích của công dân cũng như quốc gia. Vì vậy, việc sửa đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự về chuẩn bị phạm tội là yêu cầu cấp bách, kịp thời góp phần phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, việc sửa đổi này phải dựa trên quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước để đáp ứng tình hình hiện nay. Vấn đề quyết định hình phạt trong chuẩn bị phạm tội vẫn còn nhiều tranh cãi.

Thực tiễn đấu tranh phòng ngừa tội phạm ở Việt Nam trong những năm qua chỉ ra rằng không phải mọi hành vi chuẩn bị phạm tội đều nguy

hiểm cho xã hội, do vậy đối với một số quan hệ xã hội nào có tầm quan trọng và có ý nghĩa to lớn đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội mới cần trấn áp ngay từ khi người phạm tội mới có hành vi chuẩn bị nhằm xâm hại quan hệ đó. Việc quy định về phạm vi những hành vi chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự như hiện nay thiết nghĩ là quá rộng và không có tính khả thi. Vì vậy, cần thiết phải nghiên cứu thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử đồng thời có tính đến yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, chọn ra những tội mà hành vi chuẩn bị phạm tội thực sự gây nguy hiểm cho xã hội để xây dựng thành những cấu thành tội phạm độc lập với chế tài riêng biệt hoặc một khoản riêng trong điều luật quy định về tội phạm mà hành vi chuẩn bị phạm tội hướng tới và cũng với chế tài riêng.

Theo Khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự quy định mức hình phạt “một phần hai mức phạt tù của điều luật” mà không quy định rõ khung hình phạt nào sẽ được áp dụng. Điều này quy định không rõ, vì điều luật quy định về tội phạm cụ thể bao giờ cũng có khung cơ bản, có thể có một hoặc nhiều khung tăng nặng hay giảm nhẹ.

Từ những phân tích ở trên, chúng ta thấy rằng để hoàn thiện quy định về chuẩn bị phạm tội cần sửa đổi khoản 2, Điều 52 như sau:

*Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là không quá hai mươi năm tù; nếu tù có thời hạn thì mức hình phạt được áp dụng không nhỏ hơn một phần hai mức tối thiểu của khung hình phạt và không lớn hơn một phần hai mức tối đa của khung hình phạt mà điều luật quy định.*

Như chúng ta đã biết “*Pháp luật dù có hoàn thiện đến mấy cũng không thể phản ánh và quy định hết những hoàn cảnh của cuộc sống...*”

[35, tr. 209]. Nói cách khác pháp luật dù có hoàn thiện đến mấy, vẫn có những lỗ hổng, những chông chéo và mâu thuẫn nhau. Chẳng hạn, chúng ta không hiểu là thế nào quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự hiện hành: “...., *tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm*”. Có ý kiến cho rằng, các điều luật định bao gồm các điều kiện khách quan và chủ quan, các điều kiện vật chất hoặc tinh thần mà người phạm tội tạo ra để thực hiện tội phạm đều phải coi là chuẩn bị phạm tội. Nếu như cách hiểu như trên là “*tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm*” là quá rộng cho phạm vi chuẩn bị phạm tội. Các hành vi uống rượu lấy tinh thần cho việc giết người, làm quen trước để trộm cắp tài sản... không thể coi là chuẩn bị phạm tội; đó chỉ là các tình tiết thuộc tính chất hành vi tội phạm hoặc thủ đoạn phạm tội; cần cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với tội phạm tương ứng. Ngoài việc chuẩn bị công cụ, phương tiện thì chuẩn bị phạm tội là hành vi tạo ra các điều kiện vật chất khách quan khác để thực hiện tội phạm. Quy định này đã xác định cụ thể hợp lý trách nhiệm hình sự đối với chuẩn bị phạm tội.

Trong thực tế, việc xét xử của Tòa án đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội là không nhiều. Có thể là do khó khăn về vấn đề chứng minh, xác định mặt chủ quan của tội phạm từ phía cơ quan tiến hành tố tụng. Khi xét xử, nhiều Tòa án còn nhầm lẫn trường hợp chuẩn bị phạm tội với: “*Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội*”, “*phạm tội chưa đạt*”, chưa xác định đúng thế nào là “*tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện để thực hiện tội phạm*”, “*thời điểm chấm dứt việc phạm tội*”, “*hậu quả của việc phạm tội*” trong chế định chuẩn bị phạm tội.

Bộ luật hình sự năm 1985 và Bộ luật hình sự năm 1999 cũng chưa đề cập đến chuẩn bị phạm tội trong trường hợp đồng phạm. Ví dụ trong chuẩn bị tội phạm họ có thể cấu kết, tìm kiếm nhau để cấu kết cùng nhau phạm

tội. Thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm cho thấy một tội phạm có thể chỉ do một người thực hiện nhưng cũng có thể do hai hay nhiều người cùng tham gia thực hiện. Trong trường hợp đồng phạm, những người đồng phạm cùng chung ý nghĩ, hành động và cùng nhau thực hiện hành động đó. Bản chất của chuẩn bị phạm tội chúng ta có thể hiểu là: *“Sự chấm dứt hành vi chuẩn bị phạm tội cũng như hành vi phạm tội chưa đạt là do nguyên nhân ngoài ý muốn của người thực hiện hành vi đó”*.

Bên cạnh đó trong Phần chung Bộ luật hình sự năm 1999 không có một điều khoản nào quy định khái niệm tội phạm hoàn thành trong khi các tội phạm cụ thể được quy định tại các điều luật thuộc Phần các tội phạm cụ thể Bộ luật hình sự ở thể hoàn thành. Như vậy khái niệm tội hoàn thành được xem xét trên khía cạnh khoa học. Khái niệm tội phạm hoàn thành được hiểu là khi trong hành vi do người phạm tội được thực hiện có đầy đủ tất cả các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể tại điều tương ứng trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự. Trong khi chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành là các giai đoạn của tội cố ý có cấu thành vật chất. Do vậy, cũng cần phải quy định.

### **3.2.2. Quan điểm, phương hướng hoàn thiện chế định chuẩn bị phạm tội trong Luật hình sự Việt Nam.**

Hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung và chế định chuẩn bị phạm tội nói riêng phải được bắt đầu từ việc nhận thức nhu cầu hoàn thiện. Việc nhận thức nhu cầu đó dĩ nhiên có thể được tiến hành bất kỳ ai, cơ quan hoặc tổ chức nào. Tuy nhiên, việc hoàn thiện chế định chuẩn bị phạm tội thông qua sửa đổi bổ sung chế định này là hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Quốc hội), mang tính quyền lực nhà nước, tính thủ tục pháp lý và tính mục đích rõ ràng. Hơn thế hoạt động này phải phản ánh vào nó các yêu cầu của các nguyên tắc của luật hình sự nhằm đạt được mục

đích của luật hình sự. Do vậy, việc hoàn thiện chế định chuẩn bị phạm tội phải dựa trên những quan điểm, phương hướng hoàn thiện nhất định. Ở dạng tổng quát, việc hoàn thiện chế định chuẩn bị phạm tội phải:

- **Thứ nhất**, hoàn thiện trên cơ sở thành tựu nghiên cứu khoa học pháp lý hình sự Việt Nam về chế định chuẩn bị phạm tội. Ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy định của Bộ luật hình sự còn chưa thống nhất, vẫn còn có những vướng mắc liên quan đến chuẩn bị phạm tội.

- **Thứ hai**, căn cứ vào các dấu hiệu của chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tội phạm hoàn thành, tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội mà khoa học pháp luật hình sự Việt Nam đề cụ thể hóa hình phạt. Quyết định hình phạt là việc Tòa án lựa chọn mức và loại hình phạt cụ thể trong phạm vi do luật hình sự quy định để áp dụng đối với người phạm tội nhằm bảo đảm sự tương xứng giữa hình phạt với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các căn cứ quyết định hình phạt, theo luật bao gồm: các quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quyết định hình phạt đúng có tác dụng nâng cao hiệu quả của hình phạt, có hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nhằm giáo dục người phạm tội cải tạo tốt. Tùy vào tính chất của từng loại tội mà hành vi chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tội phạm hoàn thành, tự ý nửa chừng chấm dứt mang nhiều hình thức khác nhau. Song căn cứ vào các dấu hiệu phạm tội để có hình phạt thích đáng. Theo đó, hành vi chuẩn bị phạm tội hợp thành một thể thống nhất với các hành vi tiếp theo và là một giai đoạn trong quá trình thực hiện tội phạm. Vì vậy, trong quá trình áp dụng pháp luật



cũng như xét xử khi xác định một hành vi nào đó có phải là hành vi chuẩn bị phạm tội hay không thì không chỉ đơn thuần nhìn vào những gì mà người phạm tội thực hiện mà còn phải đánh giá đúng tác dụng của hành vi đó với cả quá trình thực hiện tội phạm.

- **Thứ ba**, tiếp thu chọn lọc kinh nghiệm lập pháp hình sự nước ngoài về chế định chuẩn bị phạm tội. Nghiên cứu, so sánh pháp luật hình sự nước ngoài là cơ sở cho việc thực hiện nguyên tắc này. Những nước trên thế giới có kinh nghiệm lập pháp hay trong những vấn đề mà bản thân ta đang thực hiện những cũng có vấn đề đối với ta là mới mẻ, trong khi đó, nhiều nước đã có những kinh nghiệm nhất định, do đó cần phải được nghiên cứu để tiếp thu, bổ sung cho pháp luật hình sự của nước ta [35, tr.328]. Nghiên cứu chế định chuẩn bị phạm tội của một số nước chúng ta nhận thấy duy nhất Bộ luật hình sự liên bang Nga đề cập về vấn đề này tại Điều 30 khi đưa hai điều luật về tội phạm hoàn thành và tội phạm chưa hoàn thành. Vì vậy, cần hoàn thiện chế định chuẩn bị phạm tội để đảm bảo sự thống nhất về logic pháp lý và chặt chẽ về kỹ thuật lập pháp trong pháp luật hình sự.

- **Thứ tư**, khi quy định và quyết định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội cần cân nhắc các yếu tố như: tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, mức độ thực hiện ý định phạm tội, những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng để đảm bảo nguyên tắc công bằng. Nguyên tắc công bằng là một trong những nguyên tắc của pháp luật Việt Nam. Việc quy định chế định chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành là căn cứ pháp lý để đảm bảo cho các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử áp dụng đúng người đúng tội để giải quyết vụ án một cách dễ dàng và chính xác.

- **Thứ năm**, hoàn thiện chế định chuẩn bị phạm tội theo hướng nhân đạo hóa biện pháp tác động hình sự đối với chuẩn bị phạm tội. Đảm bảo

nguyên tắc nhân đạo và tiến bộ để bảo vệ các quyền tự do của con người bằng pháp luật hình sự được ghi nhận trong các văn bản pháp luật. Khi quyết định hình phạt đối với chuẩn bị phạm tội thì không được quá nghiêm khắc nhưng cũng không được quá nhẹ. Pháp luật hình sự Việt Nam trên nguyên tắc nhân đạo, vì khi bị kết án tâm lý của người bị kết án cũng bị ảnh hưởng rất lớn. Khi quyết định hình phạt quá nghiêm khắc sẽ làm cho người bị kết án nhận thấy không công bằng và thấy sự hà khắc, người bị kết án luôn cảm thấy chịu một hình phạt không tương ứng với hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Nhưng nếu quyết định hình phạt quá nhẹ sẽ làm cho mọi người coi thường pháp luật không có ý thức chấp hành pháp luật nghiêm chỉnh, có thái độ vô trách nhiệm trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

### **3.2.3. Sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 hiện hành về chế định chuẩn bị phạm tội.**

Việc quy định trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam đối với người có hành vi chuẩn bị phạm tội là cần thiết. Vì về mặt khách quan, hành vi chuẩn bị phạm tội là những hành vi gây nguy hiểm cho xã hội, đe dọa, gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Về mặt chủ quan, người chuẩn bị phạm tội đã có ý thức phạm tội và họ quay lại chuẩn mực xã hội (họ là người có lỗi). Người chuẩn bị phạm tội chưa thực hiện hành vi phạm tội của mình là do những nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của người phạm tội. Trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm tội còn tương đối rộng, chưa phù hợp với thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử. Vì thế, có thể tham khảo pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới để góp phần xây dựng trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm tội. Có thể đưa ra một số giải pháp như sau:

- Bổ sung cụm từ “*nhưng không thực hiện đến cùng vì những nguyên*

*nhân ngoài ý muốn khách quan”.*

- Bổ sung khái niệm chuẩn bị phạm tội một số dấu hiệu sau: “*tìm kiếm những người đồng phạm*”.

- Bổ sung điều khoản quy định về tội phạm chưa hoàn thành vì hành vi chuẩn bị phạm tội chính là tội phạm chưa hoàn thành ở giai đoạn thứ nhất – người phạm tội mới chỉ thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng (theo phân loại tội phạm tại khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự năm 1999) nên nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự của người trong giai đoạn này dựa trên những căn cứ pháp lý: điều luật tương ứng về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng hoàn thành được quy định tại Phần các tội phạm mà người phạm tội đã có hành vi chuẩn bị thực hiện, viện dẫn điều luật và chuẩn bị phạm tội ở Phần chung, nếu người đó bị kết án thì viện dẫn cả điều luật về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội tại Phần chung – Điều 52.

Qua nghiên cứu về giai đoạn chuẩn bị phạm tội trong luật hình sự Việt Nam, mô hình lý luận về chế định các giai đoạn thực hiện tội phạm trong pháp luật hình sự của TSKH.PGS Lê Văn Cẩm [8, tr. 451- 452]:

*Điều....Tội phạm hoàn thành (mới)*

*1. Tội phạm được coi là hoàn thành khi trong hành vi do người phạm tội thực hiện có tất cả các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể được quy định tại điều tương ứng trong Phần các tội phạm Bộ luật này.*

*2. Nếu không có căn cứ được áp dụng quy định nào đó trong Phần chung thì trách nhiệm hình sự đối với tội phạm hoàn thành được xác định theo điều tương ứng tại Phần các tội phạm Bộ luật này.*

*Điều....Tội phạm chưa hoàn thành (mới)*

*1. Tội phạm chưa hoàn thành là hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm*

*tội chưa đạt.*

*2. Trách nhiệm hình sự đối với tội phạm chưa hoàn thành do hành vi chuẩn bị phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng được xác định theo điều tương ứng về tội phạm hoàn thành trong Phần các tội phạm đồng thời viện dẫn Điều...và Điều... Phần chung bộ luật này (tức là Điều 17 và Điều 52 Bộ luật hình sự năm 1999).*

*3. Trách nhiệm hình sự đối với tội phạm chưa hoàn thành do hành vi phạm tội chưa đạt được xác định theo điều luật tương ứng về tội phạm hoàn thành trong Phần các tội phạm đồng thời viện dẫn Điều.... và Điều.... Phần chung Bộ luật hình sự (tức là Điều 18 và Điều 52 Bộ luật hình sự năm 1999).*

*Điều.... Chuẩn bị tội phạm*

*1. Chuẩn bị phạm tội là hành vi tìm kiếm hoặc sửa soạn công cụ hay phương tiện thực hiện tội phạm, cũng như tìm kiếm những người đồng phạm, cấu kết với nhau hoặc cố ý tạo ra những điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm nhưng đã không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.*

*2. Khoản 2 Điều 17 giữ nguyên như Bộ luật hình sự hiện hành.*

Để các quy định của Bộ luật hình sự đi vào cuộc sống có hiệu quả cần tiến hành, tăng cường các giải pháp sau:

- Tăng cường vai trò giám sát của Viện Kiểm sát trong các vụ án chuẩn bị phạm tội. Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án nhằm không bỏ sót, bỏ lọt tội phạm, đúng người đúng tội, không bị oan sai. Ngành kiểm sát trong giai đoạn hiện nay cần tăng cường thực hiện chức năng, nhiệm vụ thực hành quyền công tố nhà nước và kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét

xử, thi hành án.

- Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp lý cho người tiến hành tố tụng, đặc biệt là Thẩm phán. Trong đó chú trọng việc tập huấn các văn bản pháp luật mới, kỹ năng xét xử các vụ án thuộc thẩm quyền mới, rút kinh nghiệm về công tác xét xử phúc thẩm cho đội ngũ Thẩm phán và tập huấn các kiến thức liên quan tới công tác xét xử các vụ án hình sự và đặc biệt chú ý tới một số loại tội phạm gây bức xúc trong tình hình hiện nay. Tiếp tục kiện toàn đội ngũ Thẩm phán, cán bộ Tòa án có đủ năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức theo quy định; Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ, từng bước nâng cao trình độ, kinh nghiệm và bản lĩnh nghề nghiệp cho Thẩm phán, cán bộ Tòa án đáp ứng yêu cầu công tác xét xử. Đồng thời, quan tâm cải thiện cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, chế độ chính sách; bổ sung kinh phí hoạt động cho Tòa án các cấp để tổ chức xét xử tốt các vụ án, đặc biệt là các vụ án điếm; đồng thời, tăng cường công tác xét xử lưu động, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật trong nhân dân. Đặc biệt, phối hợp với các cơ quan tư pháp Trung ương ban hành các văn bản pháp luật nhằm hướng dẫn áp dụng đúng và thống nhất pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và khẩn trương nghiên cứu, giải đáp những vấn đề về nghiệp vụ hoặc những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật, giúp cho các Tòa án các cấp áp dụng đúng pháp luật để ngày càng nâng cao chất lượng công tác xét xử các vụ án

- Ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy định của Bộ luật hình sự còn chưa thống nhất, vướng mắc liên quan đến các giai đoạn phạm tội.

- Tăng cường hợp tác và trao đổi kinh nghiệm với các nước trong xây dựng pháp luật, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

## KẾT LUẬN

Trong Đề tài nghiên cứu của mình, chúng tôi đã cố gắng làm rõ chế định chuẩn bị phạm tội trong luật hình sự Việt Nam. Từ kết quả nghiên cứu, trong luận văn này chúng tôi đã rút ra một số kết luận cụ thể như sau:

Chuẩn bị phạm tội là một giai đoạn trong quá trình thực hiện tội phạm. Hành vi chuẩn bị phạm tội tuy chưa trực tiếp làm biến đổi tình trạng của đối tượng tác động của tội phạm nhưng với tính chất là tạo ra những điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện tội phạm. Hành vi chuẩn bị phạm tội hợp thành thể thống nhất với hành vi thực hiện tội phạm và qua đó gây thiệt hại cho khác thể được luật hình sự bảo vệ. Thiệt hại đó có xảy ra hay không và xảy ra như thế nào rõ ràng có sự phụ thuộc nhất định vào hành vi chuẩn bị. Vì vậy, Hành vi chuẩn bị phạm tội được Luật hình sự Việt Nam coi là giai đoạn trong quá trình thực hiện tội phạm và người thực hiện hành vi đó phải chịu trách nhiệm hình sự.

Chuẩn bị phạm tội chỉ đặt ra với tội cố ý trực tiếp, còn vô ý hay cố ý gián tiếp thì hành vi chuẩn bị phạm tội không đặt ra. Chuẩn bị phạm tội là giai đoạn đầu của quá trình thực hiện tội phạm do cố ý trong đó người phạm tội thực hiện các hành vi của mình. Chuẩn bị phạm tội thể hiện ở chỗ người phạm tội thực hiện hành vi tạo ra những điều kiện cần thiết cho việc thực hiện tiếp theo của một tội phạm cụ thể.

Chuẩn bị phạm tội thường có các dấu hiệu sau: chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, chuẩn bị kế hoạch phạm tội, thăm dò địa điểm phạm tội; làm quen với nạn nhân hoặc người bị hại; loại trừ những trở ngại khách quan khác. Chuẩn bị phạm tội là một giai đoạn của hành động phạm tội, khi người phạm tội từ chỗ có ý định và vạch ra kế hoạch, đã tiến thêm một bước là bắt tay vào việc chuẩn bị thực hiện kế hoạch đó.

Cơ sở trách nhiệm hình sự trong trường hợp chuẩn bị phạm tội là cấu thành tội phạm của hành vi chuẩn bị phạm tội. Cấu thành của hành vi chuẩn bị phạm tội được coi là tổng hợp các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự với những dấu hiệu của chế định chuẩn bị phạm tội (Điều 17 Bộ luật hình sự).

Căn cứ quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội là căn cứ vào: các điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm tương ứng, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi chuẩn bị phạm tội, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết tội phạm không thực hiện được đến cùng.

Trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là không quá hai mươi năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt được áp dụng không nhỏ hơn một phần hai mức tối thiểu của khung hình phạt và không lớn hơn một phần hai mức tối đa của khung hình phạt mà điều luật quy định.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Bộ luật hình sự Liên bang Nga* (Bản dịch Tiếng Việt).
2. *Bộ luật hình sự Nhật Bản* (Bản dịch Tiếng Việt).
3. *Bộ hình luật Việt Nam (1962)*, Nguyễn Văn Hào xuất bản do sự bảo trợ của Bộ Tư pháp, Sài Gòn.
4. Bộ Tư pháp, *sổ chuyên đề về Luật hình sự một số nước trên thế giới*, Hà Nội - 1998.
5. Bình luận khoa học bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999, tập I Phần chung, Viện nghiên cứu Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp, TS. Uông Chu Lưu chủ biên, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội - 2001.
6. Lê Cẩm (chủ biên) (2001), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam* (Phần chung), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội (tái bản lần thứ nhất, 2003).
7. Lê Cẩm (2002), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự*, Tập IV, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
8. Lê Văn Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự* (Phần chung), Sách chuyên khảo Sau Đại học, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Nguyễn Ngọc Chí (2003), Chương XII, Các giai đoạn phạm tội”, Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam* (Phần chung), do TSKH. Lê Cẩm chủ biên, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. *Đại Việt Sử ký toàn thư* (1998), Tập II, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Trần Văn Đạm (1995), “Chương VII, Phần thứ hai”, Trong sách:



- Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
12. *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội - 2007.
  13. *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, trường Đại học Luật Hà Nội (2000).
  14. Hoàng Việt luật lệ. Nxb Văn hóa - thông tin, Sài gòn - 1994.
  15. Đinh Bích Hà, *BLHS của nước cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*, Nxb Tư pháp, Hà Nội - 2007.
  16. *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, TANDTC – Tập I, 1975.
  17. Lâm Minh Hạnh (1986), “Chương III – Các giai đoạn phạm tội”, Trong sách: *Những vấn đề lý luận cơ bản về tội phạm trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
  18. Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên) (1997), *Luật hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
  19. PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hòa, *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội – 2001.
  20. Phạm Mạnh Hùng, *Chế định trách nhiệm hình sự theo Luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Hà Nội – 2004.
  21. Phan Huy Lê (1961), *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
  22. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
  23. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.

24. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (sửa đổi, bổ sung), Hà Nội.
25. Quốc triều hình luật, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội – 1995.
26. Quốc triều hình luật, Nxb thành phố Hồ Chí Minh (2003).
27. Lê Thị Sơn (1997), “Bài 4: Một số vấn đề về các giai đoạn thực hiện tội phạm”, Trong sách: *Luật hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công án nhân dân, Hà Nội.
28. Hà Văn Thư, Trần Hồng Đức (1996), *Tóm tắt niên biểu lịch sử Việt Nam*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
29. Kiều Đình Thụ (1998), *Tìm hiểu luật hình sự Việt Nam*, Nxb Đồng Nai.
30. Nguyễn Thị Thảo (2008), Phạm tội chưa đạt theo luật hình sự Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, *Khóa luận tốt nghiệp cử nhân Luật học*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
31. Trần Quang Tiệp (2007), *Đồng phạm trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
32. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2001), Bản án hình sự sơ thẩm số 396/2001/HSST ngày 16/08/2001, Quảng Ninh.
33. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2006), Bản án hình sự sơ thẩm số 179/2006/HSST ngày 26/6/2006, Quảng Ninh.
34. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2006), Bản án hình sự phúc thẩm số 1111/2006/HSPT ngày 23/10/2006, Quảng Ninh.
35. Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam*, Quyển 1 – Những vấn đề chung, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
36. Trịnh Tiến Việt – Trần Hồng Lê (2005, “Tìm hiểu một số chế định cơ bản trong luật hình sự Thụy Điển”, Tòa án nhân dân.

37. Trịnh Tiến Việt (2006), *Chế định tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Chuyên đề nghiên cứu sinh, Đại học Quốc gia Hà Nội.
38. Trịnh Tiến Việt (2006), “Về trường hợp miễn trách nhiệm hình sự cho người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội”, Khoa học, (Kinh tế - Luật).
39. Trịnh Tiến Việt (2009), “Trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự: Những nội dung pháp lý – xã hội”, Tòa án nhân dân.
40. Viện ngôn ngữ học, Từ điển Tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng, năm 2000.
41. <http://www.chinhphu.vn/vanbanpq/lawdocs/L17QH.rtf?id=6840>.
42. <http://vnqpppl/moj.gov.vn/law/vi/1951> to  
1960/1957/195706/195706118001.
43. [http://www.na.gov.vn/Sach\\_QH/VKQH\\_toantap\\_III/1967/UBTVQH\\_1967-19.htm](http://www.na.gov.vn/Sach_QH/VKQH_toantap_III/1967/UBTVQH_1967-19.htm).

# MỤC LỤC

Trang

*Trang phụ bì*

*Lời cam đoan*

*Mục lục*

**MỞ ĐẦU**

1

**Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHẾ ĐỊNH**

**CHUẨN BỊ PHẠM TỘI TRONG LUẬT HÌNH SỰ**

13

- 1.1. Khái niệm, bản chất của chế định chuẩn bị phạm tội 13
- 1.1.1. Khái niệm các giai đoạn thực hiện tội phạm 13
- 1.1.2. Khái niệm, bản chất của chuẩn bị phạm tội 19
- 1.1.3. Phân biệt chuẩn bị phạm tội với ý định phạm tội, phạm tội chưa đạt và tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội, tội phạm hoàn thành, tội phạm kết thúc 32
- 1.2. Chuẩn bị phạm tội trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới 32
- 1.2.1. Chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự Cộng hòa liên bang Nga. 38
- 1.2.2. Chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự Thụy Điển 39
- 1.2.3. Chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự Nhật Bản 40
- 1.2.4. Chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa 41
- Chương 2: CHẾ ĐỊNH CHUẨN BỊ PHẠM TỘI TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM** 44
- 2.1. Chế định chuẩn bị phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam 44
- 2.1.1. Sơ lược lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về chuẩn bị phạm tội từ thời kỳ phong kiến đến cách mạng tháng 8 năm 1945 44

2.1.2.	Chế định chuẩn bị phạm tội trong các quy định của luật hình sự Việt Nam từ sau cách mạng tháng 8 năm 1945 cho đến khi có Bộ luật hình sự năm 1985	51
2.1.3.	Chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 1945	53
2.2.	Chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 1999	
2.2.1.	Hành vi chuẩn bị phạm tội	
2.2.2.	Cơ sở trách nhiệm hình sự của hành vi chuẩn bị phạm tội	
2.2.3.	Mức độ trách nhiệm hình sự của hành vi chuẩn bị phạm tội	
2.2.4.	Quyết định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội	

<b>Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG CHẾ ĐỊNH CHUẨN BỊ PHẠM TỘI VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN</b>	<b>77</b>
--	-----------

3.1.	Thực tiễn áp dụng chế định chuẩn bị phạm tội trong đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay	
3.1.1.	Thực tiễn áp dụng chế định chuẩn bị phạm tội	
3.1.2.	Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân	
3.2.	Một số giải pháp hoàn thiện chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hình sự hiện nay	
3.2.1.	Sự cần thiết của việc hoàn thiện chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật hiện hành	
3.2.2.	Quan điểm, phương hướng hoàn thiện chế định trong Luật hình sự Việt Nam	
3.2.3.	Sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 hiện hành về chế định chuẩn bị phạm tội	

<b>KẾT LUẬN</b>	<b>101</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>104</b>

